

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01

### THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

Thông tin khái quát về công ty  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị và sơ đồ tổ chức  
Định hướng phát triển  
Quản trị rủi ro

02

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Tình hình hoạt động SXKD năm 2018  
Tổ chức và nhân sự  
Tình hình đầu tư và thực hiện dự án  
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư CSH

03

### BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh  
Tình hình tài chính  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý  
Phương hướng phát triển

04

### BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động  
Đánh giá của HĐQT về Ban Giám đốc  
Kế hoạch, định hướng của HĐQT

05

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị  
Ban Kiểm soát  
Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGD

06

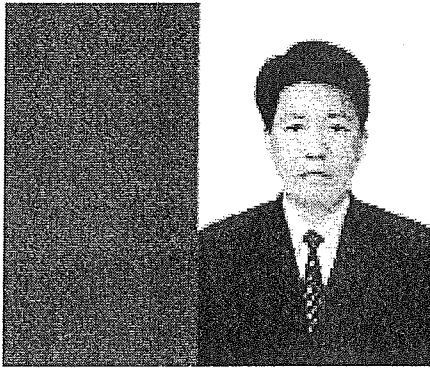
### BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững  
Đánh giá trách nhiệm với môi trường & cộng đồng xã hội

07

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2018

# THÔNGIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Hướng Xuân Công**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

## Kính thưa Quý cổ đông!

Thay mặt ban lãnh đạo Công ty, tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến quý cổ đông - những người đã luôn đồng hành với công ty trong suốt thời gian vừa qua.

Cùng với những thuận lợi chung của nền kinh tế thế giới và Việt Nam, tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2018 của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang cũng mang nhiều nét tích cực. Tuy vậy, trong quá trình hoạt động Công ty vẫn gặp phải một số nguy cơ ô nhiễm nguồn nước sông Thương; Từ tháng 10 năm 2018, Công ty thực hiện mua lại nước sạch của Công ty DNP- Bắc Giang với công suất khoảng 10.000m<sup>3</sup>/ngày nên làm tăng chi phí sản xuất. Công ty phải cạnh tranh với các doanh nghiệp cấp nước khác trên địa bàn như Công ty Nam Sơn, Công ty CPĐT 206...; một số CBCNV ý thức và trách nhiệm còn thấp, vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, năng suất lao động mới đạt mức trung bình khá so với các doanh nghiệp trong ngành. Nhờ có chỉ đạo, phối hợp và thống nhất giữa Đảng bộ, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty trong sự lãnh đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, sự nỗ lực cố gắng của các phòng ban chức năng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã phấn đấu vượt qua khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra. Cụ thể, tổng doanh thu năm 2018 của Công ty là 128,5 tỷ đồng đạt 107% kế hoạch đề ra và tăng 8,2% so với năm 2017; lợi nhuận sau thuế đạt 6,229 tỷ đồng, đạt 97,33% kế hoạch đề ra và tăng 9,1% so với cùng kỳ.

Năm 2019, công tác sản xuất kinh doanh nước sạch của Công ty sẽ gặp những khó khăn trước mắt như: Theo cam kết, Công ty sẽ phải mua lại nước của Công ty DNP với khối lượng khoảng từ 15.000 đến 20.000 m<sup>3</sup>/ngày làm tăng chi phí sản xuất nước, giảm lợi nhuận .... gây nên đời sống người lao động bị ảnh hưởng. Vì vậy công tác phát triển khách hàng năm 2019 phải đẩy mạnh hơn nữa, trong khi trên địa bàn cấp nước đã có những đơn vị cạnh tranh, dẫn đến việc phát triển khách hàng ngày càng gặp nhiều khó khăn. Cùng với đó giá điện tiếp tục tăng vào ngày 20/03/2019 do vậy sẽ đẩy giá thành sản xuất nước tăng, trong khi giá nước vẫn giữ nguyên. Ban lãnh đạo Công ty cam kết nỗ lực hết sức để cùng Công ty vượt qua những khó khăn trong năm 2019, phấn đấu đạt và vượt các mục tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn các Quý Cổ Đông, đã luôn tin tưởng đồng hành cùng chúng tôi. Xin cảm ơn các Khách hàng đã tin tưởng sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty. Và xin gửi lời cảm ơn tới toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty - những người đã đóng góp trí tuệ, công sức và kinh nghiệm cho sự thành công hôm nay và là nền tảng thực hiện sứ mệnh của Công ty trong tương lai!

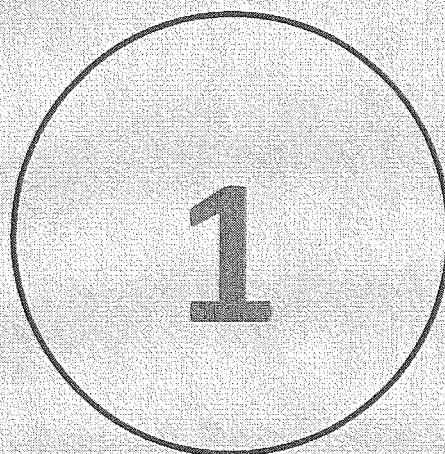
Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch HĐQT



Hướng Xuân Công





# **THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY**

---



# THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

---

## Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

GCNĐKDN	2400126106
Vốn điều lệ	181.494.460.000
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	181.494.460.000
Số điện thoại	02043. 855 757
Số fax	02043. 554 717
Website	<a href="http://bacgiangwsc.com.vn">bacgiangwsc.com.vn</a>
Mã cổ phiếu	BGW

Địa chỉ: Số 386, đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền,  
TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Thành lập Đội Xây dựng công trình 76 thuộc Công ty Xây dựng tỉnh Hà Bắc.

1978

Thành lập Xí nghiệp Điện nước Hà Bắc trên cơ sở tách hoạt động độc lập của Đội Xây dựng công trình 76.

1993

Xí nghiệp Điện nước Hà Bắc được chuyển đổi thành Công ty Cấp thoát nước Hà Bắc.

1997

Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang thành lập trên cơ sở chia tách theo tỉnh.

2005

Chuyển mô hình hoạt động và đổi tên thành Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang.

2014

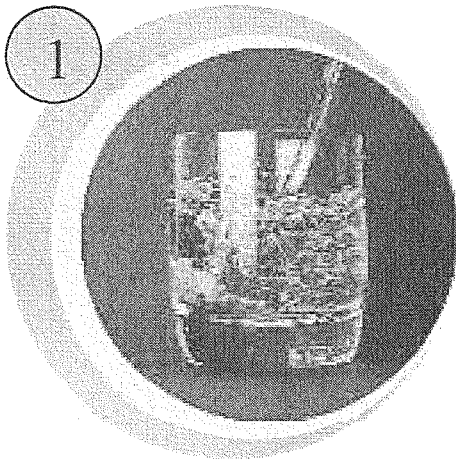
Thành lập thêm Xí nghiệp cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam.

2015

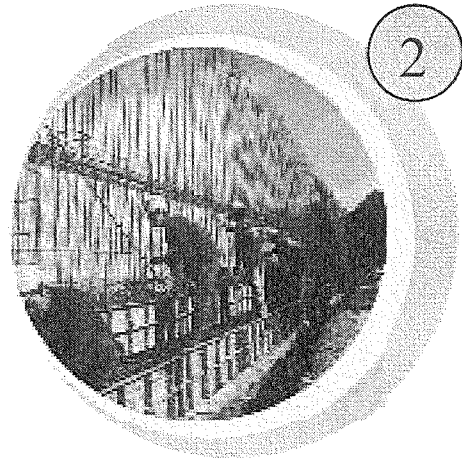
Chuyển mô hình hoạt động và đổi tên thành Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Giang.

# NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

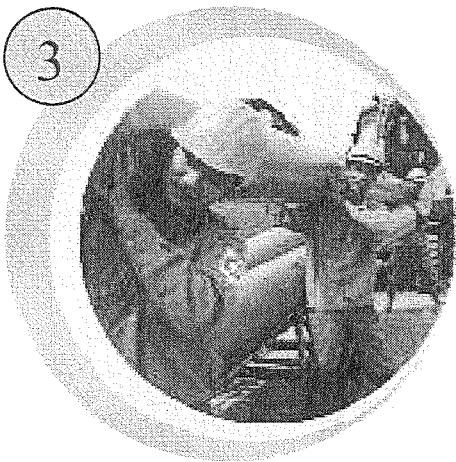
## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Sản xuất và kinh doanh nước sạch



Xây dựng các công trình cấp thoát nước, đường dây và trạm biến áp, công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng công trình giao thông, san lấp mặt bằng và các công trình hạ tầng kỹ thuật.



Tư vấn lập dự án, thiết kế, thẩm định và giám sát thi công công trình cấp thoát nước.



Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành cấp thoát nước.

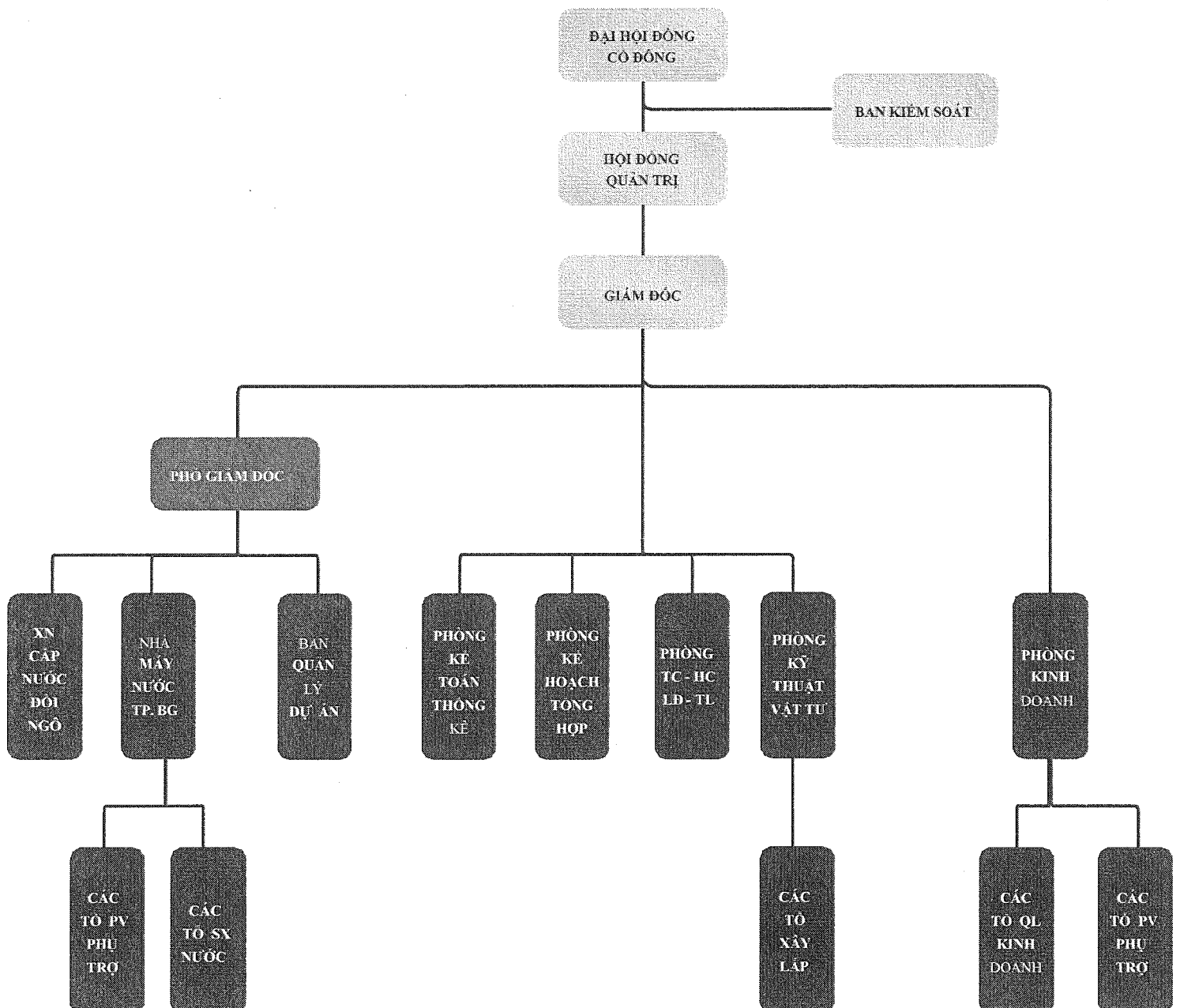
## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Tỉnh Bắc Giang



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ & CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty Cổ phần Nước Sạch Bắc Giang được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.



## CHỨC NĂNG & NHIỆM VỤ

### Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu Hội đồng Quản trị của Công ty và Ban kiểm soát Công ty.

### Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty quy định.

### Ban kiểm soát

Thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ như:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các Báo cáo tài chính của Tổng công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Tổng công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;

### Giám đốc điều hành

Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

### Các Phòng ban – Bộ phận

#### Phòng Tổ chức - Hành chính - Lao động- Tiền lương

Tham mưu giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty về tổ chức bộ máy công ty, bố trí sắp xếp nhân sự phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh; Quản lý hành chính của doanh nghiệp, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn của Công ty; Quản lý lực lượng lao động, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách đối với người lao động trong công ty; Xây dựng và thực hiện chế độ tiền lương và các thu nhập khác trong Công ty, xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn nhân viên.

#### Phòng Kế hoạch- Tổng hợp

Tham mưu giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, dài hạn của Công ty; Tổ chức thực hiện kiểm tra tình hình thực hiện nội qui, qui chế của toàn Công ty.

#### Phòng Kế toán - Thống kê.

Giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc thực hiện các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kế toán; Lập báo cáo tài chính, quản lý thu chi tài chính, quản lý tài sản, vật tư của Công ty; Tham mưu cho Giám đốc về quản lý và sử dụng vốn, tài sản trong quá trình SXKD có hiệu quả; Quản lý và phân phối các quỹ theo quy định của Nhà nước.

#### Phòng Kỹ thuật - Vật tư

Tham mưu giúp Chủ tịch kiêm Giám đốc xây dựng quy trình, quy phạm kỹ thuật áp dụng vào sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao; Quản lý hệ thống cấp nước, máy móc, thiết bị, phối hợp với Nhà máy bảo dưỡng, sửa chữa v.v... theo kế hoạch, định kỳ; Quản lý kỹ thuật các công trình xây lắp theo luật Xây dựng, luật Đấu thầu và các quy định khác của Nhà nước; Cung cấp vật tư cho Nhà máy và công trường; Quản lý các đội xây lắp, tổ thi công.

#### Phòng Kinh doanh

Quản lý toàn bộ mạng lưới cấp nước đảm bảo hoạt động an toàn hiệu quả; Quản lý khách hàng, tổ chức kinh doanh nước máy đạt hiệu quả.

**Ban quản lý dự án**

Quản lý dự án do Công ty làm chủ đầu tư theo luật Xây dựng; Thực hiện công tác đầu tư xây dựng Dự án theo quy định của luật Xây dựng, luật Đấu thầu, các văn bản dưới luật và chịu trách nhiệm toàn bộ hoạt động của Dự án theo pháp luật.

**Nhà máy nước**

Tổ chức sản xuất nước đảm bảo tiêu chuẩn nước sạch phục vụ đầy đủ cho khách hàng; Bảo dưỡng sửa chữa thiết bị hệ thống dây truyền sản xuất nước sạch và đồng hồ theo đúng qui trình của nhà chế tạo; Gia công cơ khí phục vụ công ty; Kiểm định, sửa chữa đồng hồ, kẹp trì theo đề nghị của phòng Kinh doanh; Nâng chuyển đồng hồ theo tuyến và đơn lẻ; Kiểm định đồng hồ Công ty nhập chưa qua kiểm định; Kiểm định đồng hồ trên toàn bộ mạng cấp nước theo pháp lệnh đo lường của Nhà nước quy định; Sửa chữa, bảo dưỡng các van của mạng từ  $\Phi$  80 trở lên.

**Xí nghiệp cấp nước Đồi Ngô**

Quản lý vận hành và khai thác toàn bộ hệ thống xử lý và cung cấp nước tại thị trấn Đồi Ngô - huyện Lục Nam

**Tổ thi công**

Tổ chức các công việc do Công ty khoán nhân công cho tổ thực hiện. Bao gồm: Lắp đặt bổ sung đồng hồ; Lắp đặt mới, thay thế, sửa chữa các tuyến ống cấp nước; Thi công các công việc khác do Công ty giao; Thi công các công việc do Đội xây lắp giao.

## CÔNG TY CON & CÔNG TY LIÊN KẾT

Hiện tại, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang không có công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh nào.





## VỊ THẾ CỦA CÔNG TY

Cạnh tranh trong ngành cấp nước tại tỉnh Bắc Giang là không đáng kể, do Công ty là đơn vị chính sản xuất và cung cấp nước sạch, có hệ thống phân phối trên địa bàn thành phố Bắc Giang và vùng lân cận. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có khoảng 10 doanh nghiệp kinh doanh hệ thống cung cấp nước sạch như: Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung xã Quang Châu (công suất 3.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm); Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Việt Yên (công suất 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm); Hệ thống cấp nước sinh hoạt huyện Yên Dũng (công suất 12.000 m<sup>3</sup>/ ngày đêm), Công ty nước sạch DNP Bắc Giang.... So sánh với các doanh nghiệp này thì quy mô của công ty là lớn nhất tính đến thời điểm hiện tại. Đến nay công ty đã đáp ứng được hơn 90% nhu cầu dùng nước của thành phố Bắc Giang và kế hoạch đến năm 2020 sẽ cố gắng đạt 100%. Nhìn nhận khách quan Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đang có sẵn những lợi thế kèm theo những khó khăn như sau:

### ĐIỂM MẠNH:

- Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang là doanh nghiệp vừa hoạt động trong lĩnh vực sản xuất vừa là nhà cung cấp trực tiếp sản phẩm nước sạch. Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty hoạt động có hiệu quả nên chất lượng các hoạt động của Công ty ngày càng được cải thiện và nâng cao. Công ty ngày càng nhận được sự ủng hộ, quan tâm của các khách hàng khi sử dụng dịch vụ.
- Khi nền kinh tế ngày càng hội nhập và phát triển thì vấn đề về nước sạch sẽ ngày càng được Nhà nước quan tâm, sự hỗ trợ của các nước phát triển, các Tổ chức trong và ngoài nước. Chính vì vậy cơ hội phát triển ngành của Công ty là rất lớn.

### ĐIỂM YẾU:

- Ngành cấp nước thuộc lĩnh vực cơ sở hạ tầng nên vốn đầu tư lớn, chủ yếu là nguồn vốn vay, mục tiêu của dự án chủ yếu phục vụ an sinh xã hội, thời gian thu hồi vốn kéo dài...
- Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, sản phẩm hoạt động công ích của Công ty được thanh toán theo quy định của Nhà nước. Tuy nhiên, do giá trị tài sản lớn, giá nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất thực tế. Nếu tính đúng, tính đủ các yếu tố chi phí của giá thành toàn bộ và lợi nhuận hợp lý thì giá tiêu thụ nước sạch sẽ tăng đột biến làm ảnh hưởng lớn đến phát triển sản xuất và an sinh xã hội của tỉnh Bắc Giang.
- Ban lãnh đạo của Công ty cũng như CBCNV chưa bắt kịp sự thay đổi cơ chế quản lý vẫn còn tư tưởng trì trệ, bao cấp của một số bộ phận người lao động.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Phương án đầu tư, tổ chức hoạt động kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Giang quyết định. Với những điều kiện thuận lợi hiện có của doanh nghiệp, kết hợp với những thông tin, dự báo về nhu cầu của tỉnh Bắc Giang trong tương lai, Công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang xây dựng một số định hướng phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

## CƠ SỞ HOẠCH ĐỊNH

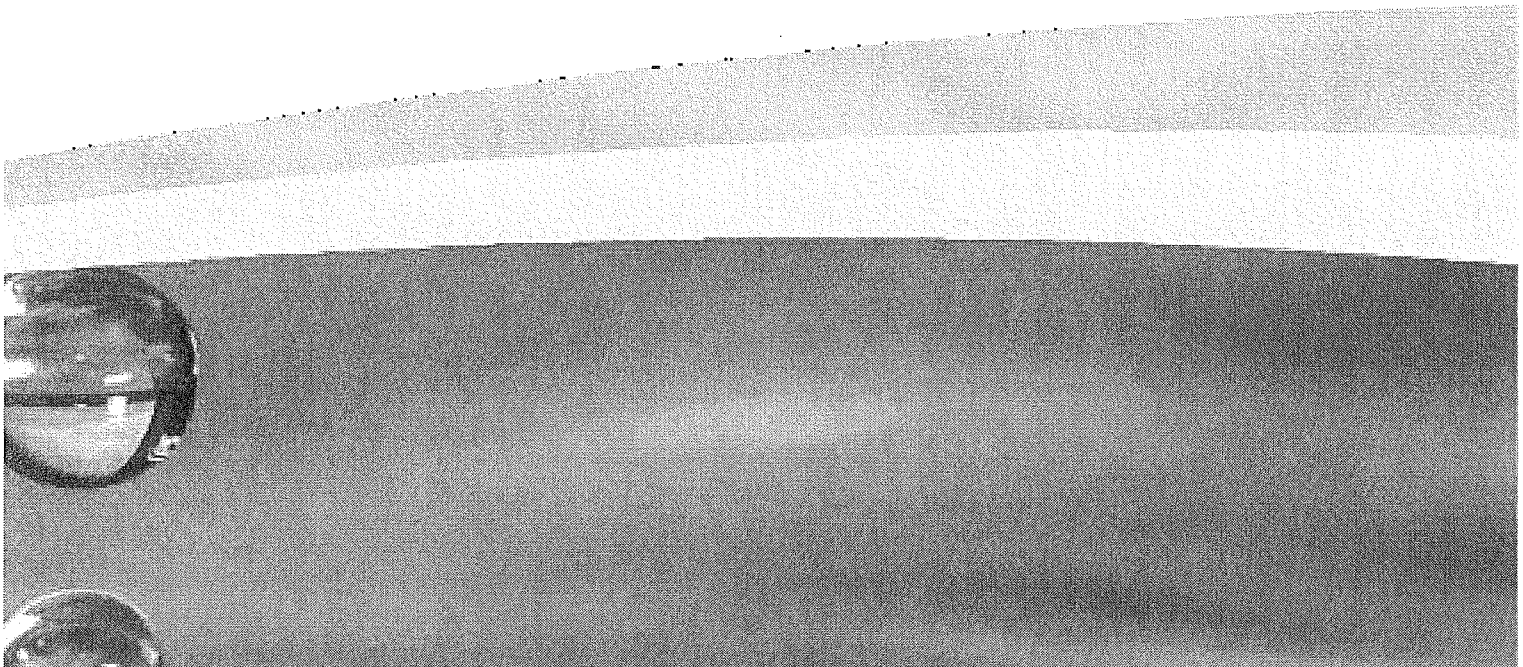
- Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian trước.
- Căn cứ Quy hoạch tổng thể thành phố Bắc Giang đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050 tại quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 6/12/2013.

## MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

- Công ty phấn đấu là doanh nghiệp luôn tăng trưởng và phát triển, tiến tới sẽ nhận quản lý thêm một số cơ sở cấp nước tại các đô thị trong toàn tỉnh.
- Phấn đấu là doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả cả về tài chính và kinh tế xã hội, nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Gắn mục tiêu phát triển của Công ty với sự phát triển cấp nước đô thị trên địa bàn tỉnh.

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- Thực hiện theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành trong công tác cấp nước, giữ vững ổn định trong hoạt động của Công ty sau khi cổ phần hóa.
- Đảm bảo việc cấp nước đạt theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và đảm bảo nhu cầu dùng nước của nhân dân thuộc các địa bàn Công ty được giao quản lý mạng lưới cấp nước.
- Xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên thống nhất, đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu kế hoạch được giao.
- Mở rộng ngành nghề hoạt động kinh doanh, tiến tới mở rộng thị trường nhằm nâng cao doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.



## RỦI RO

### Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang. Các rủi ro hình thành từ biến động của các chỉ số kinh tế vĩ mô chính như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái...

Năm 2018, kinh tế thế giới tiếp tục đà phục hồi. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cùng với niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất trong nước. Lãi suất huy động và tỷ giá hối đoái trong năm tương đối ổn định, lạm phát được kiểm chế ở mức 3,54%. Công ty luôn theo sát những chuyển biến của nền kinh tế Thế giới và Việt Nam để có thể kịp thời ứng phó với rủi ro.

### Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành nước nói riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Công ty hiện tại đang chịu rủi ro khi hoạt động dưới sự điều chỉnh và chưa hoàn thiện của pháp luật Việt Nam do có hệ thống chưa nhất quán, chặt chẽ và có sự chông chéo. Việt Nam hiện vẫn đang trong diện các nước đang phát triển nên các văn bản luật vẫn còn sẽ phải chỉnh sửa nhiều. Sự thay đổi về chính sách và luật tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro liên quan đến pháp luật liên quan đến cả một hệ thống, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những điều chỉnh và thích nghi để phát huy tối đa mặt lợi nhuận.

### Rủi ro môi trường

Với hoạt động chính là khai thác và cung cấp nước sạch, trong quá trình hoạt động Công ty không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực nhà máy. Bên cạnh đó, chất lượng nước cung cấp cũng sẽ là yếu tố tác động trực tiếp đến đời sống dân cư.

Công ty luôn ý thức trách nhiệm được trách nhiệm đối với môi trường thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước và tăng cường kiểm tra rủi ro thất thoát nước. Đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm.

Công ty có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Hệ thống công nghệ áp dụng được bảo trì định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của máy móc ở mức tốt nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối đến khách hàng.

### Rủi ro về mạng lưới phân phối nước

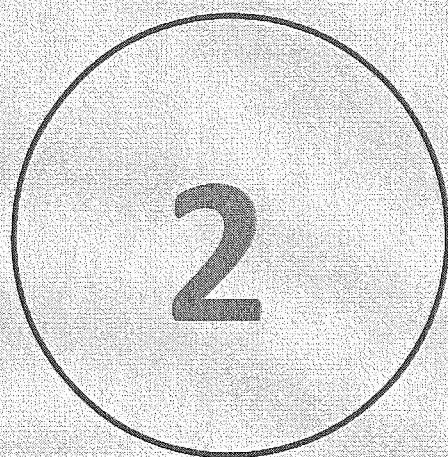
Đối với một doanh nghiệp khai thác và cung cấp nước sạch thì rủi ro thất thoát nước luôn là mối quan tâm hàng đầu của công ty. Rủi ro lớn nhất là rò rỉ, hư hỏng đường ống dẫn làm thất thoát nước ảnh hưởng đến nguồn nước của khách hàng cũng như hoạt động kinh doanh của công ty. Với mạng lưới phân bố rộng khắp gây nhiều khó khăn trong công tác kiểm soát. Bên cạnh đó một bộ phận người dân thiếu ý thức chấp hành quy định như gian lận chỉ số khi sử dụng nước gây thất thoát trầm trọng.

Định kỳ, các bộ phận chuyên trách tại Công ty lại tiến hành kiểm tra và rà soát hệ thống cung cấp nước nhằm khắc phục cũng như giảm thiểu những rủi ro có thể xảy ra đối với mạng lưới phân phối nước này. Có kế hoạch cụ thể cho việc tu sửa, nâng cấp đường ống, xây hàng rào và nhà bảo vệ cho các trạm bơm, trạm tăng áp. Tăng cường kiểm tra giám sát các hộ gia đình, cơ sở sản xuất có dấu hiệu gian lận để tránh thất thoát.

### Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...





## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2018**

---

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SO VỚI NĂM TRƯỚC

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2018	2018/2017 (%)
Doanh thu thuần	113,356	122,236	107,8%
Giá vốn hàng bán	66,470	74,752	112,46%
Lợi nhuận trước thuế	7,401	8,045	108,7%
Lợi nhuận sau thuế	5,830	6,229	106,84%

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2018
1	Cơ cấu doanh thu theo sản phẩm		
-	Nước sạch	105,179	112,019
-	Xây lắp	8,235	10,334
2	Cơ cấu doanh thu theo khu vực		
-	Khu vực TP Bắc Giang	111,171	119,820
-	Khu vực Lục Nam	2,243	2,533
3	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	113,414	122,353

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	TH 2018	TH2018/ KH2018(%)
Tổng doanh thu	Triệu Đồng	120,00	128,596	107,16%
Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu Đồng	6,400	6,229	97,33%
Cổ tức	Đồng	211	223	105,7%

Tổng doanh thu năm 2018 của công ty là 128,596 tỷ đồng đạt 107,16% kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt hơn 6,229 tỷ đồng, đạt 97,33% kế hoạch.

Nhìn chung, trong năm 2018 Công ty đã hoạt động hiệu quả, biểu hiện là các chỉ tiêu hoạt động của công ty đều đạt kế hoạch đã đề ra, duy chỉ có chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế TNDN đạt 97,33% kế hoạch do trong năm công ty thực hiện đầu tư nhiều hạng mục công trình nên số chi phí phát sinh lớn; đồng thời hầu hết các chỉ tiêu đều tăng so với năm 2017.

# TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Hương Xuân Công**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày tháng năm sinh: 28/03/1969

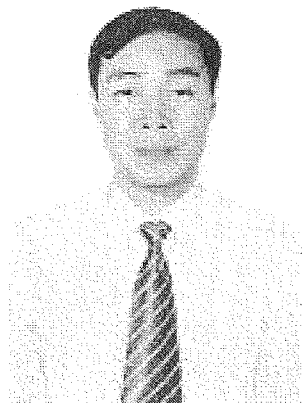
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ xây dựng

Quá trình công tác:

- Từ 08/1993 - 12/1996: Nhân viên P. KT - VT Công ty cấp thoát nước Hà Bắc
- Từ 01/1997 - 05/2005: Trưởng phòng KT - VT Công ty cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 05/2005 - 10/2011: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 10/2011 - 11/2015: Chủ tịch - Giám đốc Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 11/2015 - 04/2017: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP nước sạch Bắc Giang
- Từ 05/2017 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP nước sạch Bắc Giang

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 15,635,246 cổ phiếu chiếm 86,15% vốn Điều lệ

- Đại diện sở hữu: 15,583,146 cổ phần, chiếm 85.86% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 52,100 cổ phần, chiếm 0.29% vốn điều lệ



**Ông Trần Đăng Điều**

Thành viên Hội đồng quản trị  
kiêm Giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 20/5/1972

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, thạc sĩ Quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

- 10/1995-12/2002: Cán bộ phòng kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
- 01/2003-02/2005: Phó trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
- 03/2005-11/2011: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang
- 12/2011-11/2015: Phó giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang
- 12/2015-04/2017: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang
- 05/2017-Nay: Giám đốc Công ty CP Nước sạch Bắc Giang

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 38,900 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 38,900 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ





**Ông Phạm Hùng**

Thành viên Hội đồng quản trị  
 kiêm Phó giám đốc  
 (Đã mất vào tháng 10 - 2018)

Ngày tháng năm sinh: 18/04/1967

Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 7/1988 - 11/1991: Nhân viên Đài Truyền thanh TX Bắc Giang, sau là Phòng Văn hóa TX Bắc Giang
- Từ 12/1991 - 8/1994: Nhân viên Đội Điện nước, Cty Quản lý Công trình Đô thị TX Bắc Giang
- Từ 9/1994 - 12/1998: Nhân viên phòng Kế hoạch - kỹ thuật, Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang (Giai đoạn 9/1994-12/1996 là Công ty Cấp thoát nước Hà Bắc)
- Từ 1/1999 - 7/2000: Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 8/2000 - 3/2003: Nhân viên phòng Kinh doanh, Công ty cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 4/2003 - 12/2006: Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Kế toán - Thống kê, Công ty cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 7/2006 - 11/2012: Trưởng phòng Kế toán - Thống kê, Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 12/2012 - 10/2015: Phó giám đốc Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 11/2015 - nay: TVHĐQT, Phó giám đốc Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 38,600 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 38,600 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ



**Ông Lê Ngọc Duyên**

Thành viên Hội đồng quản trị  
 kiêm Phó giám đốc

Ngày tháng năm sinh: 14/01/1967

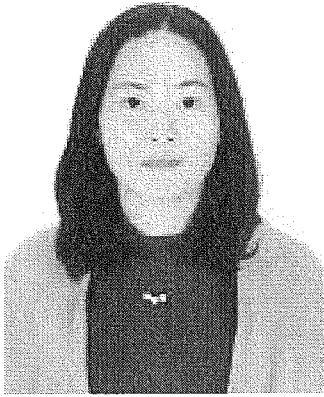
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- Từ 01/1992 - 10/2002: Cán bộ phòng kỹ thuật Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 11/2002 - 12/2006: Chuyên viên ban quản lý dự án Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 01/2007 - 12/2007: Chuyên viên phòng kỹ thuật Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 01/2008 - 09/2012: Phó trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 10/2012 - 10/2015: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty TNHH một thành viên Cấp thoát nước Bắc Giang
- Từ 11/2015 - 04/2017: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Nước sạch Bắc Giang
- Từ 05/2017 - Nay: Phó giám đốc Công ty CP Nước sạch Bắc Giang.

Tổng số cổ phần: 31.200 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 31.200 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ



**Bà Nguyễn Thị Phương Thảo**  
Thành viên Hội đồng quản trị  
kiêm Kế toán trưởng

Ngày tháng năm sinh: 16/04/1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1999-2000: Công tác tại Công ty TNHH Phú Thái - Hà Nội
- Từ 11/2000-02/2010: Cán bộ phòng Kế toán - Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang. (Giai đoạn 11/2000-2005 là Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang)
- Từ 03/2010 - 9/2013: Phó trưởng phòng Kế toán - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang.
- Từ 10/2013 - 10/2015: Trưởng phòng Kế toán - Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang.
- Từ 11/2015 - nay: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng Kế toán - Công ty CP Nước sạch Bắc Giang.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 38,200 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 38,200 cổ phần, chiếm 0.21% vốn điều lệ

## BAN KIỂM SOÁT

**Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy**  
Trưởng Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 13/06/1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 01/01/2003-10/2015: Nhân viên phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang (Giai đoạn 1/2003-2005 là Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang)
- Từ 11/2015-12/2015: Trưởng BKS, nhân viên phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang
- Từ 01/2016-nay: Trưởng BKS, phó trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Tổng số cổ phần: 19.100 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 19.100 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ

**Bà Vũ Thị Thúy**  
Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 12/10/1981

Trình độ chuyên môn: Cử nhân khoa học quản lý

Quá trình công tác:

- Từ tháng 4/2002-10/2015: Nhân viên phòng Tổ chức- Hành chính Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang (Giai đoạn 4/2002-2005 là Công ty Cấp thoát nước Bắc Giang)
- Từ 11/2015-nay: Thành viên BKS, nhân viên phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Tổng số cổ phần: 15.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 15.000 cổ phần, chiếm 0,08% vốn điều lệ

**Bà Hoàng Thị Thảo**  
Thành viên Ban kiểm soát

Ngày tháng năm sinh: 30/10/1979

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 01/2004-04/2010: Chi cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bắc Giang
- Từ 11/2010-10/2015: Nhân viên Nhà máy nước Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang.
- Từ 11/2015-nay: Thành viên BKS, nhân viên Nhà máy nước Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang

Tổng số cổ phần: 8.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 8.000 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ

## NHÂN SỰ & CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

265 người



155



110

### CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Căn cứ vào chế độ về tiền lương do Nhà nước quy định
- Việc trả lương, thưởng thực hiện theo quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc.
- Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước.
- Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.
- Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động và các chính sách của Công ty

## TÌNH HÌNH

### ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tổng giá trị đầu tư năm 2018 giá trị đầu tư đạt: 61,965 tỷ đồng, vượt 12,7 % KH năm. Cụ thể:

- Công trình đầu tư cấp nước cho các khu dân cư tại các xã Đồng Sơn, Tân Tiến, Dĩnh Trì, Xuân Hương, Tân Dân, Tân An, Hương Gián...; Cải tạo sửa chữa các tuyến ống thép tráng kẽm các ngõ xóm khi địa phương nâng cấp đường; Lắp đặt bổ sung phát triển khách hàng; Thay thế 6.020 đồng hồ các loại (đồng hồ đã hết niên hạn...). Tổng kinh phí: 31,76 tỷ đồng.

- Lắp đặt máy bơm tăng áp, van điện và biến tần tại Trạm bơm truyền tải, giá trị: 3,6 tỷ đồng.
- Đầu tư lắp đặt tuyến ống truyền tải số 2, giá trị: 08 tỷ đồng
- Tuyến ống D315mm đường cầu Đồng Sơn, giá trị 14 tỷ đồng
- Trạm bơm cấp nước Tân An, giá trị: 03 tỷ
- Lắp đặt hệ thống biến tần XN Đồi Ngõ- Lục Nam, giá trị: 600 triệu đồng
- Các công trình sửa chữa, cải tạo các khu vực sản xuất và văn phòng, giá trị 01 tỷ đồng.

# CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

## THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tính đến hết ngày 31/12/2018, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã phát hành 18.149.446 cổ phiếu, Trong đó:

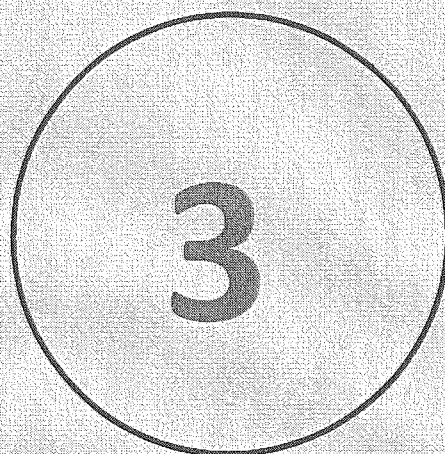
- Số cổ phiếu phổ thông: 18.149.446 cổ phiếu
- Số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu đang lưu hành: 18.149.446 cổ phiếu
- Số cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước	1	15,583,146	85,86%
Cá nhân	273	2,566,300	14,14%
Tổ chức	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>274</b>	<b>18,149,446</b>	<b>100,00%</b>

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND	Địa chỉ	Số lượng CP	Tỷ lệ
Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang		Đường Hùng Vương, TP Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang	15.583.146	85,86%



## **BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC**

---



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2018

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Công ty có những thuận lợi như: CBCNV trong công ty luôn đoàn kết, có ý thức trách nhiệm và tổ chức kỷ luật tốt; có sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các ngành, UBND thành phố, huyện Lục Nam và UBND phường, xã trên địa bàn; kinh doanh trong điều kiện thuận lợi; lượng khách hàng luôn tăng trưởng tốt và kinh doanh sản phẩm nước sạch là mặt hàng thiết yếu đối với mỗi gia đình.

## ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2018

### Các mặt đã làm được

Năm 2018 do có sự chỉ đạo, phối hợp và thống nhất giữa Đảng bộ, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc Công ty trong sự lãnh đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, sự nỗ lực cố gắng của các phòng ban chức năng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên công ty đã phấn đấu vượt qua khó khăn hoàn thành tốt nhiệm vụ đề ra: Sản xuất nước đảm bảo chất lượng, lưu lượng và áp lực, sản lượng nước thương phẩm tăng 6,8%, doanh thu tăng 6,3% so với năm 2017; công tác phát triển khách hàng năm 2018 là 7.253 đầu nối bằng cả năm 2016 và năm 2017; Công tác đầu tư xây dựng tại nhà máy và mạng được thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, kỹ thuật; nguồn vốn của công ty được bảo toàn và tăng trưởng, hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách và nâng cao thu nhập cho người lao động, CBCNV yên tâm công tác và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Công ty.

### Khó khăn & những hạn chế còn tồn tại

#### Khó khăn

Năm 2018, Công ty cũng gặp một số khó khăn như: Nguy cơ ô nhiễm nguồn nước sông Thương do các nhà máy, trang trại xả thải; Công ty phải cạnh tranh với các doanh nghiệp cấp nước khác trên địa bàn Thành phố và các vùng lân cận; từ tháng 10 năm 2018 Công ty phải mua lại nước sạch của Công ty DNP- Bắc Giang với công suất khoảng 10.000m<sup>3</sup>/ngđ nên làm tăng chi phí sản xuất; một số CBCNV ý thức và trách nhiệm còn kém, vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, năng suất lao động thấp...

### Những hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh kết quả đã đạt được, còn có những hạn chế như sau:

#### \* Các tồn tại hạn chế:

- Chưa có giải pháp hiệu quả để bảo vệ nguồn nước thô Sông Thương khi có nguy cơ ô nhiễm.
- Chưa có kế hoạch tuyên truyền về nhà máy nước sạch của Công ty khi có nhà máy nước của Công ty DNP dẫn đến có một số khách hàng hiểu nhầm về chất lượng nước của Công ty.
- Chưa xây dựng Hệ thống xử lý nước thải theo cam kết của Công ty với Sở Tài nguyên và Môi trường và xin đất xây dựng trụ sở mới của Công ty.
- Chưa mạnh dạn đầu tư công nghệ mới vào sản xuất và quản lý như: Chậm lắp đặt hệ thống SCADA tại nhà máy và trên mạng...
- Thoái vốn không hoàn thành trong năm 2018 theo bổ sung kế hoạch của UBND tỉnh.
- Tỷ lệ thất thoát khu vực Thành phố Bắc Giang cao hơn năm trước: Do công tác phát triển khách hàng nên Công ty lắp đặt thêm nhiều tuyến ống phân phối, việc thau rửa ống dẫn đến lượng thất thoát tăng; Doanh thu, sản lượng nước và phát triển khách hàng khu vực Lục Nam đều thấp hơn so với kế hoạch. Công tác chống thất thoát chưa được quan tâm đúng mức.
- Các phong trào thi đua mới có chiều rộng, chưa có chiều sâu, công tác tổng kết và nhân rộng các gương người tốt, việc tốt còn hạn chế.

#### \* Nguyên nhân:

- Việc bảo vệ nguồn nước thô sông Thương không chỉ một mình Công ty làm được mà cần có sự vào cuộc của chính quyền các cấp.
- Các chế độ giải quyết thủ tục về đất đai rất phức tạp và thường xuyên thay đổi.
- Kế hoạch thoái vốn mới được bổ sung tháng 7 năm 2018.
- Năm 2018 công ty thi công nhiều tuyến ống phân phối do đó tăng lượng nước súc xả làm thất thoát trên mạng tăng. Mặt khác công ty tập trung cao vào phát triển khách hàng nên không thay được các tuyến ống thép tráng kẽm đã xuống cấp.
- Bộ phận Nhà máy đặc biệt là tổ hóa nghiệm chưa chủ động học hỏi về công nghệ, hóa chất mới và chủ quan khi có sự bất thường về nguồn nước thô.
- Một số CBCNV chưa chịu khó nghiên cứu và học hỏi về chế độ mới và có ý thức kém, trách nhiệm thấp trong thực hiện công việc được giao.
- BCH Công đoàn chưa chủ động và có các hoạt động mới, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

### 1. Khu vực thành phố Bắc Giang

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018			So sánh 2017 %
				KH	Thực hiện	So sánh %	
1	Doanh thu nước	Tỷ đồng	107,27	114,77	114,08	99,4	106,3
2	Nước Thô	Triệu m <sup>3</sup>	12,956	13,73	13,497	98,3	104
3	Nước Thương phẩm	Triệu m <sup>3</sup>	11,09	11,87	11,843	99,8	106,8
4	Thất thoát mạng	%	12,53	11,4	13,43	Tăng 1,94	Tăng 0,9
5	Phát triển khách hàng	Đầu nối	4.627	5.000	7.253	145	156,7
6	Công tác đầu tư	Tỷ đồng	39,92	55	61,965	112,7	155

### 2. Khu vực Lục Nam

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018			So sánh 2017 %
				KH	Thực hiện	So sánh %	
1	Doanh thu nước	Tỷ đồng	2,35	2,94	2,66	90,5	113
2	Nước thô	Nghìn m <sup>3</sup>	357,5	447	394,2	88,2	110
3	Nước Thương phẩm	Nghìn m <sup>3</sup>	287	363,6	325,6	89,5	113
4	Thất thoát mạng	%	11,87	10,15	11,58	Tăng 1,43	Giảm 0,29
5	Phát triển khách hàng	Đầu nối	346	150	92	61,3	26,5

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	Tỷ lệ
<b>I. Nhà máy nước Bắc Giang</b>					
1	Doanh thu nước	Tỷ đồng	114,080	123,2	Tăng 8%
2	Nước thương phẩm	Triệu m <sup>3</sup>	11,843	12,790	Tăng 8%
3	Tỷ lệ thất thoát + Mạng	%	13,43	12,7	Giảm 0,73%
4	Phát triển khách hàng	Đầu nối	7.253	6.000	
<b>II. Xí nghiệp CN Lục Nam</b>					
		ĐVT	TH 2018	KH 2019	Tỷ lệ
1	Doanh thu:	Tỷ đồng	2,66	3,06	Tăng 15%
2	Nước thô	Nghìn m <sup>3</sup>	394,2	452,5	Tăng 14,7%
3	Nước sạch	Nghìn m <sup>3</sup>	368,2	422	Tăng 14,6%
4	Nước thương phẩm	Nghìn m <sup>3</sup>	325,6	380	Tăng 16,7%
	Tỷ lệ thất thoát: + Mạng	%	11,58	11	Giảm 0,58%
5	Phát triển khách hàng	Đầu nối	92	150	Tăng 163%

## ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG 2018

### Công tác thực hiện nhiệm vụ sản xuất

Xác định nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của đơn vị là tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả đảm bảo sự ổn định, tồn tại cũng như phát triển của Doanh nghiệp. Vì vậy các quy trình, quy phạm trong khâu sản xuất được chỉ đạo, tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc chặt chẽ có sự kiểm tra đôn đốc thường xuyên từ lãnh đạo được giao nhiệm vụ quản lý trực tiếp, đến quản đốc và các ca trưởng, tổ trưởng. Các Nhà máy nước phải luôn sản xuất nước đảm bảo ba tiêu chí đó là: chất lượng, lưu lượng và áp lực. Trong năm qua Nhà máy nước Bắc Giang và Lục Nam luôn thực hiện đúng quy trình, quy phạm sản xuất, kết quả 100% mẫu nước được Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật tỉnh Bắc Giang kiểm tra và đánh giá đạt Quy chuẩn 01:2009/BYT của Bộ Y tế.

Để đáp ứng được nhu cầu phát triển của thành phố Bắc Giang (cấp nước cho các khu đô thị mới), các khu công nghiệp và đưa nguồn nước đến những người dân ở xa trung tâm thành phố, những nơi nguồn nước ngầm đang bị ô nhiễm, Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang đã đầu tư để tăng khả năng cấp nước và nâng cao chất lượng nguồn nước. Tại nhà máy nước Bắc Giang Công ty đã đầu tư lắp đặt máy bơm tăng áp tại Trạm bơm truyền tải, xây dựng tuyến ống truyền tải số 2...Ngoài ra còn thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị thường xuyên, nghiêm túc, các sự cố luôn được khắc phục kịp thời nhanh chóng, đảm bảo hệ thống cấp nước hoạt động an toàn và hiệu quả cao nhất. Luôn quan tâm công tác kiểm tra chất lượng nguồn nước thô và báo cáo kịp thời lên các cấp khi chất lượng nguồn nước thô có nguy cơ bị ô nhiễm.

### Công tác kinh doanh nước sạch

Theo kế hoạch được Đại hội Cổ đông thường niên thông qua, năm 2018 Công ty đã mở rộng hệ thống mạng lưới cấp nước tại các khu vực trên địa bàn Thành phố và các vùng lân cận. Tính đến tháng 12, Công ty quản lý 51.302 đầu nối ( bao gồm Khu vực Bắc Giang + thị trấn Đồi Ngô). Trong công tác kinh doanh chú trọng công tác dịch vụ khách hàng bằng nhiều giải pháp như: áp dụng thanh toán tiền nước qua tài khoản ngân hàng, áp dụng hóa đơn điện tử...đem lại sự thuận tiện, tin tưởng và hài lòng cho khách hàng khi dùng nước của Công ty.

- Kiện toàn mô hình hoạt động tại các tổ quản lý ở các phường xã, bước đầu đã bố trí và sắp xếp lại nhân sự của các tổ quản lý theo mô hình nhân viên quản lý mạng và thu tiền độc lập với nhau.

- Phát hiện và sửa chữa kịp thời các sự cố để đáp ứng nhu cầu cấp nước của khách hàng. Thực hiện nhiệm vụ lắp đặt bổ sung, thay thế đồng hồ hết niên hạn sử dụng và thay thế ống thép tráng kẽm kịp thời tại một số ngõ nhỏ khi địa phương đổ bê tông.
- Tăng cường công tác quản lý đồng hồ, van mạng, chú trọng công tác đọc số và vào số, thu tiền hàng tháng nộp vào ngân hàng và quỹ đúng quy định.
- Công tác thất thoát mạng : Tỷ lệ thất thoát năm 2018 là 13,43% tăng so với 2017 là 0,9% chưa đáp ứng được kế hoạch đề ra.
- Tổ chức giám sát và điều phối lượng nước mua buôn của Công ty DNP vào hệ thống cấp nước Bắc Giang.
- Phối kết hợp tốt với các cấp chính quyền địa phương nhằm tháo gỡ và xử lý những vụ việc liên quan đến Hệ thống cấp nước của đơn vị cũng như khi địa phương cải tạo nâng cấp đường ngõ, xóm.

### Công tác thi công xây lắp và đầu tư

Bám sát vào nhiệm vụ chung của Công ty và tình hình phát triển đô thị, phát triển kinh tế của Thành phố Bắc Giang. Ban lãnh đạo đã xây dựng kế hoạch với giá trị là 55 tỷ đồng, kết quả đạt 61,965 tỷ đồng vượt 12,7% kế hoạch năm.

Trong đó: Công tác thi công xây lắp đạt 31,76 tỷ đồng

Công tác đầu tư đạt: 30,2 tỷ đồng

Cụ thể:

- Công trình đầu tư cấp nước cho các khu dân cư tại các xã Đổng Sơn, Tân Tiến, Đình Trì, Xuân Hương, Tân Dân, Tân An, Hương Gián...; Cải tạo sửa chữa các tuyến ống thép tráng kẽm các ngõ xóm khi địa phương nâng cấp đường; Lắp đặt bổ sung phát triển khách hàng; Thay thế 6.020 đồng hồ các loại ( đồng hồ đã hết niên hạn....). Tổng kinh phí: 31,76 tỷ đồng.
- Lắp đặt máy bơm tăng áp, van điện và biến tần tại Trạm bơm truyền tải, giá trị: 3,6 tỷ đồng.
- Đầu tư lắp đặt tuyến ống truyền tải số 2, giá trị: 08 tỷ đồng
- Tuyến ống D315mm đường cầu Đổng Sơn, giá trị 14 tỷ đồng
- Trạm bơm cấp nước Tân An, giá trị: 03 tỷ
- Lắp đặt hệ thống biến tần XN Đồi Ngô- Lục Nam, giá trị: 600 triệu đồng
- Các công trình sửa chữa, cải tạo các khu vực sản xuất và văn phòng, giá trị 01 tỷ đồng.



### Công tác lãnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ

Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh được xây dựng đã thể hiện Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã phát huy quyền hạn, năng động, sáng tạo, mạnh dạn đầu tư và tự chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công tác tổ chức cán bộ: Thực hiện theo quy định của luật doanh nghiệp; Điều lệ của công ty; Cuối năm 2018, công ty phân công lại nhiệm vụ cụ thể đối với từng thành viên trong Ban Giám đốc (do có sự thay đổi nhân sự) để tăng cường công tác quản lý đối với các phòng ban, những công trình trọng điểm của Công ty.

Để phù hợp với mô hình hoạt động khi Công ty mở rộng mạng lưới cấp nước, Công ty thành lập thêm 01 tổ quản lý nước Tân Tiến, đồng thời sát nhập tổ quản lý nước Lê Lợi về Trần Phú đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh doanh của Công ty.

Công ty đã sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty, Quy chế quản lý nội bộ, Ban hành Quy chế quản trị cho phù hợp với quy định của nhà nước.

Ký kết "Thỏa ước lao động tập thể" thể hiện những cam kết giữa người sử dụng lao động và người lao động: 100% người lao động được tham gia BHXH; Công tác đào tạo nâng bậc, nâng lương được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình, trong năm đã có 54 trường hợp đủ điều kiện nâng bậc, nâng lương...

Đảng ủy và Ban lãnh đạo đã tổ chức các hội nghị đánh giá quá trình thi công Trạm bơm truyền tải để rút ra bài học kinh nghiệm và xây dựng tìm ra giải pháp thi công đạt hiệu quả tốt nhất. Bố trí các công trình thi công hợp lý, không để các tổ xây lắp phải chờ việc khi chuyển từ công trình này sang công trình khác. Năm 2018 là một năm phát triển khách hàng mạnh mẽ nhất, đã lắp đặt được hơn 7,253 đầu nối đáp ứng kịp thời nhu cầu dùng nước của nhân dân.

Công ty đã tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm và Hội nghị tuyên truyền đến CBCNV về công tác tiếp tục thoái vốn và mua nước của công ty DNP – Bắc Giang.

Công tác đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy nổ: Hàng năm Công ty tổ chức tập huấn luyện ATLĐ và VSLĐ, phòng chống cháy nổ cho CBCNV toàn Công ty, khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động, nội quy lao động cũng được ban hành và treo đầy đủ tại các vị trí sản xuất.

Công tác an sinh xã hội: Tham gia xây dựng nông thôn mới, đóng góp các quỹ từ thiện cho người nghèo, quỹ hỗ trợ thiên tai bão lụt, Quỹ khuyến học trị giá trên 287 triệu đồng.

Công tác chỉ đạo và phối hợp giữa chính quyền và các đoàn thể được thực hiện thường xuyên, chính quyền đã tạo điều kiện tốt nhất cho các đoàn thể hoạt động, kết quả năm 2018 các Đoàn thể được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

### Công tác thực hiện chính sách đối với người lao động

Các chế độ về tiền lương, tiền thưởng và chính sách đối với người lao động luôn được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã bố trí sắp xếp sử dụng hợp lý số lao động hiện có, đảm bảo 100% người lao động có việc làm thường xuyên, thu nhập ổn định. Thu nhập bình quân toàn công ty đạt: 9,3 triệu đồng/ người/tháng. Công ty đã thanh toán lương đầy đủ, không có hiện tượng nợ lương. Đóng bảo hiểm cho 100% CBCNV với tổng số tiền BHXH Công ty đã nộp năm 2018 là: 4,875 tỷ đồng. Các chế độ thăm quan, nghỉ mát, văn nghệ, thể thao được công ty quan tâm và thực hiện thường xuyên để nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.

Thực hiện kịp thời công tác thi đua khen thưởng trong việc bình xét các danh hiệu thi đua hàng năm, ngoài ra Công ty khen thưởng đột xuất bằng tiền mặt cho 05 tập thể và 15 cá nhân đã có thành tích xuất sắc với tổng số tiền là: 60 triệu đồng.

Môi trường làm việc luôn được đầu tư nâng cấp, mua sắm các trang thiết bị cần thiết để tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho người lao động.

### Công tác tài chính

Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, hoàn thành các nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, thanh quyết toán nội bộ đúng quy định.

Thực hiện đầy đủ báo cáo tài chính theo quý, 6 tháng, năm, công khai, minh bạch thông qua đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông lựa chọn gửi các cơ quan nhà nước, đồng thời công bố thông tin trên Website công ty.

Thực hiện việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom theo QĐ số 889/QĐ-SGD ngày 24/10/2017.

Các chỉ tiêu tài chính năm 2018 đảm bảo thực hiện 100% theo kế hoạch đề ra, cho thấy Công ty đã sử dụng rất hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 2018

## CƠ CẤU TÀI SẢN, NGUỒN VỐN

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	120.016	116.866	-2,62 %
Tài sản dài hạn	99.914	98.622	-1,29 %
<b>Tổng tài sản</b>	<b>219.929</b>	<b>215.489</b>	<b>-2,01 %</b>
Nợ phải trả	34.217	29.055	-15,08 %
- Nợ ngắn hạn	23.441	29.055	23,95 %
- - Nợ dài hạn	10.776	0	
Vốn chủ sở hữu	<b>185.712</b>	<b>186.433</b>	0,38 %
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>219.929</b>	<b>215.489</b>	<b>-2,01 %</b>

## THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2017	2018
Thuế GTGT	906.694.266	0
Thuế TNDN	1.517.913.954	1.622.988.901
Tiền thuế đất	9.293.838	2.336.100
Thuế Tài nguyên	297.651.805	316.478.232
Thuế môn bài	3.000.000	3.000.000
Thuế thu nhập cá nhân	85.621.551	128.523.492
Phi nước thải	6.385.244.009	7.141.167.463
Cổ tức nộp NSNN	2.880.978.340	2.695.884.258
<b>Tổng</b>	<b>12.086.397.863</b>	<b>11.910.378.446</b>

# KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2019, công tác sản xuất kinh doanh nước sạch sẽ gặp những khó khăn trước mắt sau:

- Theo cam kết, Công ty sẽ phải mua lại nước của Công ty DNP - Bắc Giang với khối lượng từ 15.000 đến 20.000 m<sup>3</sup>/ngày làm tăng chi phí sản xuất nước, giảm lợi nhuận... gây nên đời sống người lao động bị ảnh hưởng.
- Giá điện bắt đầu tăng từ ngày 20/3/2019, do vậy sẽ đẩy giá thành sản xuất nước tăng, trong khi giá nước vẫn giữ nguyên.
- Công tác phát triển khách hàng ngày càng xa, địa bàn cấp nước có nhiều đơn vị cạnh tranh, dẫn đến việc phát triển khách hàng ngày càng gặp nhiều khó khăn.
- Chuẩn bị các thủ tục, điều kiện để thực hiện thoái vốn trong năm 2019, với phần vốn UBND tỉnh giao Công ty tiếp tục thoái 34,86% vốn nhà nước nắm giữ tại doanh nghiệp (Vốn nhà nước hiện tại: 85,86%)

## CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

### Chỉ tiêu tài chính năm 2019

TT	Các chỉ tiêu	TH 2018	KH 2019
1	Tổng doanh thu	128,5 tỷ đồng	140 tỷ đồng
2	Lợi nhuận trước thuế	8,04 tỷ đồng	4 tỷ đồng
3	Lợi nhuận sau thuế	6,229 tỷ đồng	3,2 tỷ đồng
4	Nộp ngân sách	11,910 tỷ đồng	11 tỷ đồng
5	Nộp BHXH	4,875 tỷ đồng	06 tỷ đồng
6	Thu nhập bình quân	9,3 triệu đồng	9,3 triệu đồng

### Chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh năm 2019

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	Tỷ lệ
<b>I. Nhà máy nước Bắc Giang</b>					
1	Doanh thu nước	Tỷ đồng	114,080	123,2	Tăng 8%
2	Nước thương phẩm	Triệu m <sup>3</sup>	11,843	12,790	Tăng 8%
3	Tỷ lệ thất thoát + Mạng	%	13,43	12,7	Giảm 0,73 %
4	Phát triển khách hàng	Đầu nối	7.253	6.000	

II. Xí nghiệp CN Lục Nam		DVT	TH 2018	KH 2019	Tỷ lệ
1	Doanh thu:	Tỷ đồng	2,66	3,06	Tăng 15%
2	Nước thô	Nghìn m <sup>3</sup>	394,2	452,5	Tăng 14,7%
3	Nước sạch	Nghìn m <sup>3</sup>	368,2	422	Tăng 14,6%
4	Nước thương phẩm	Nghìn m <sup>3</sup>	325,6	380	Tăng 16,7%
5	Tỷ lệ thất thoát: + Mạng	%	11,58	11	Giảm 0,58%
6	Phát triển khách hàng	Đầu nổi	92	150	Tăng 63%

## CÔNG TÁC ĐẦU TƯ NĂM 2019

Căn cứ vào phương án phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty; căn cứ vào nhu cầu sử dụng nước sạch của thành phố Bắc Giang và các vùng lân cận giai đoạn 2019 - 2020; căn cứ vào Quy hoạch phát triển của thành phố Bắc Giang năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Công ty xây dựng kế hoạch như sau:

### TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ:

**35,5** tỷ đồng

- + Hệ thống Scada Nhà máy và mạng lưới: 7,0 tỷ.
- + Xây dựng bể chứa nước sạch mới tại KXL: 3,5 tỷ.
- + Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tại KXL: 10 tỷ.
- + Mở rộng mạng lưới và phát triển khách hàng: 15 tỷ.



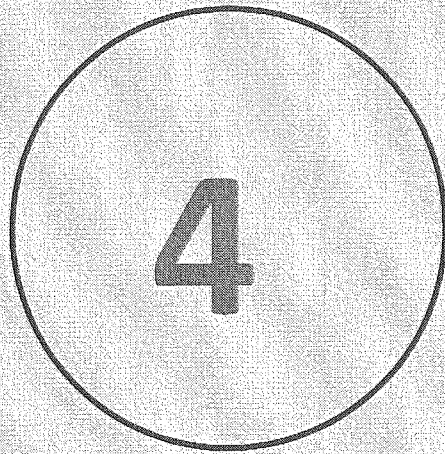
## GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch năm 2019, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đề ra các giải pháp để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 như sau:

- Tăng cường công tác quản lý để sản xuất nước an toàn, cung cấp nước cho khách hàng đảm bảo tiêu chí: Lưu lượng, áp lực và chất lượng nước.
- Tiếp tục đầu tư và áp dụng công nghệ mới tại các Nhà máy nước để nâng cao chất lượng nước và khả năng quản lý, lắp SCADA, bể xử lý bùn ...
- Xây dựng phương án vận hành khi công ty vừa sản xuất, vừa mua và phân phối nguồn nước của Công ty DNP.
- Đầu tư công nghệ vào quản lý kinh doanh, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng doanh thu như sử dụng hóa đơn điện tử, trả tiền nước qua tài khoản... tăng cường và đổi mới công tác dịch vụ khách hàng trong tình hình mới khi có sự cạnh tranh trong kinh doanh nước sạch. Chú trọng công tác đào tạo tại chỗ, nâng cao trình độ chuyên môn, cũng như kỹ năng giao tiếp, ứng xử khách hàng thành chuẩn mực văn hóa trong Công ty.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác quản lý đồng hồ nước để quản lý sản lượng nước cung cấp, giám sát thất thoát thu. Kiểm tra giá biểu đúng với đối tượng, mục đích sử dụng nhằm đảm bảo giá bán bình quân tăng trưởng ổn định.
- Tổ chức công tác chống thất thoát, thất thu: Thành lập tổ chống thất thoát để phân vùng tách mạng, lắp đặt SCADA trên mạng, tăng cường quản lý kiểm tra mạng phát hiện kịp thời những điểm vỡ, rò rỉ đường ống dưới lòng đất; bảo dưỡng đồng hồ đo nước đảm bảo chính xác trong đo đếm.
- Hoàn thiện phần mềm quản lý tài sản, sử dụng có hiệu quả các ứng dụng của phần mềm quản lý EKGIS.
- Tiếp tục nghiên cứu và sắp xếp lại mô hình tổ quản lý tại phường, xã cho phù hợp và mang lại hiệu quả cao.
- Phối hợp tốt với các bộ phận khác để phát triển khách hàng theo kế hoạch. Tiếp tục mở rộng mạng cấp nước tại các xã Tân Dân, Xuân Hương, Hương Gián và thị trấn Đồi Ngô...

Trên đây Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 và phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2019. Phát huy kết quả đạt được trong năm 2019, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc Công ty với sự ủng hộ của các cổ đông, sự nỗ lực phấn đấu của tập thể CBCNV Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Giang, quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019.





## **BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG

## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TY NĂM 2018

Năm 2018, HĐQT Công ty đã phấn đấu thực hiện các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Nhờ đó, Công ty đã đạt được kết quả SXKD đáng khích lệ, đạt và vượt các chỉ tiêu nhiệm vụ được giao. Cụ thể, Tổng doanh thu đạt 128,596 tỷ đồng, đạt 107,16% kế hoạch và tăng hơn 8% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế đạt 6,229 tỷ đồng, bằng 97,33% kế hoạch đã đề ra và tăng 9,1% so với năm 2017.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2018	Mức độ hoàn thành kế hoạch (%)	So với năm 2017 (%)
Tổng doanh thu và các khoản thu nhập khác	Tỷ.đ	128,59	107	108
Tổng chi phí	Tỷ.đ	120,55	107	108
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đ	8,045	100,5	112,6
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ.đ	6,229	97,33	109,1
Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ.đ	11,9	108	98,5
Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến	%	223	105,68	129,2

# ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ BAN GIÁM ĐỐC

## NHỮNG MẶT ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Hội đồng quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc.

Mặt khác, Ban giám đốc đã nỗ lực và quyết liệt điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT ban hành. Với các chỉ tiêu đạt được, HĐQT đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm tài chính 2018, nổi bật là:

- + Hoạt động SXKD tăng trưởng ổn định, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, các công trình đầu tư được triển khai đúng tiến độ, chất lượng.
- + Các chỉ tiêu về SXKD đều vượt mức kế hoạch, đặc biệt là công tác đầu tư tăng so năm trước là 55%.
- + Các chỉ số tài chính tốt, vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển.
- + Đảm bảo thu nhập và đời sống người lao động.
- + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước theo quy định, chính sách điều hành minh bạch có sự phân công, phân cấp rõ ràng trong bộ máy; quan tâm và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong công tác sản xuất kinh doanh, Công ty được Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2018”

## MỘT SỐ HẠN CHẾ CÒN TỒN TẠI

Bên cạnh những kết quả nổi bật trong việc quản lý điều hành, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đem lại sự ổn định, phát triển của Công ty cũng như quyền lợi của các cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp. Việc chỉ đạo điều hành của HĐQT, Ban điều hành còn có một số tồn tại hạn chế cần khắc phục để duy trì tốc độ phát triển cũng như hiệu quả SXKD của Công ty.

- + Chưa đề ra được giải pháp hữu hiệu nhất nâng cao năng suất lao động, hiệu quả SXKD của Công ty trong điều kiện cụ thể khi mà môi trường SXKD nước sạch đã có nhiều thay đổi cạnh tranh quyết liệt hơn.
- + Công tác tham mưu đôi lúc còn chưa linh hoạt và hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu công việc trong tình hình mới.
- + Ban điều hành chưa thực sự chủ động trong một số lĩnh vực được phân công phụ trách. Sự phối hợp giữa các phòng ban, bộ phận khi thực hiện nhiệm vụ chung vẫn còn hạn chế.
- + Chưa quyết tâm, mạnh dạn trong việc đầu tư áp dụng khoa học công nghệ vào SXKD cũng như mở rộng vùng cấp nước, để đem lại hiệu quả SXKD cũng như việc phát triển mở rộng phạm vi cấp nước trên địa bàn.
- + Hoạt động của HĐQT, Ban điều hành còn chưa đổi mới để nâng cao vai trò chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Đôi lúc còn chông chéo chưa đúng với các quy định đề ra. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành còn chưa phát huy tốt vai trò, trách nhiệm cá nhân trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao.

## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HDQT nhận định năm 2019 địa bàn cấp nước các vùng lân cận Thành phố Bắc Giang ngày càng có sự cạnh tranh gay gắt hơn, ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu SXKD của Công ty. Để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định và bền vững, HDQT đề ra kế hoạch hoạt động năm 2019 gồm các nội dung chính như sau:

1. Chỉ đạo triển khai nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019; giám sát thường xuyên công tác thực hiện kế hoạch SXKD của Công ty, kịp thời hỗ trợ, phối hợp Ban điều hành Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty, sao cho có hiệu quả cao nhất; Tập trung cao độ chỉ đạo công tác thực hiện đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, phát triển khách hàng để tăng nhanh sản lượng nước thương phẩm cho các năm tiếp theo.
2. Tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, xây dựng thương hiệu cấp nước của Công ty.
3. Chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý nội bộ, quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của Nhà nước và tình hình hoạt động SXKD của Công ty.
4. Tăng cường kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong toàn Công ty, đặc biệt chú trọng đến công tác giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư, trong việc sử dụng vốn và các nguồn lực khác.
5. Tăng cường quan hệ với các cổ đông nhằm cung cấp thông tin tới cổ đông một cách nhanh chóng, kịp thời và minh bạch.
6. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Đại hội đồng cổ đông giao.
7. Trình phương án giá tiêu thụ nước sạch năm 2019 tại thành phố Bắc Giang và các vùng lân cận.
8. Tiếp tục thực hiện phương án thoái vốn Nhà nước của Công ty.
9. Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật đối với Công ty đại chúng.





## QUẢN TRỊ CÔNG TY

---



# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## THÀNH VIÊN & CƠ CẤU HĐQT

Họ & tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Hướng Xuân Công	Chủ tịch HĐQT	52.100	0,29 %
Trần Đăng Điều	Thành viên HĐQT	38.900	0,21 %
Phạm Hùng	Thành viên HĐQT	38.600	0,21 %
Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên HĐQT	38.200	0,21 %
Lê Ngọc Duyên	Thành viên HĐQT	31.200	0,17 %

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2018

### Về chức năng nhiệm vụ quản trị chung theo Điều lệ

HĐQT đã bám sát các quyết nghị của Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế để chỉ đạo quyết liệt các mặt hoạt động của Công ty. Năm 2018, HĐQT đã tổ chức các cuộc họp hằng tháng với sự tham dự mở rộng của Ban kiểm soát, Ban giám đốc và họp với các phòng ban chuyên môn để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các nội dung họp và lấy ý kiến như sau:

- Thông qua các kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019;
- Kiểm tra báo cáo tài chính hằng quý, hằng năm;
- Ban hành bổ sung các quy định quản trị nội bộ;
- Quyết định đầu tư một số hạng mục công trình phục vụ cho việc mở rộng sản xuất kinh doanh tổng giá trị 61,965 tỷ đồng, cụ thể:
  - + Cấp nước cho các khu dân cư tại các xã Đồng Sơn, Tân Tiến, Dĩnh Trì, Xuân Hương, Tân Dân, Tân An, Hương Gián.
  - + Đầu tư cải tạo đường ống, thay thế các tuyến ống cấp nước thép tráng kẽm bằng ống HDPE.
  - + Đầu tư lắp đặt tuyến ống truyền tải số 2; Tuyến ống D315 đường cầu Đồng Sơn, Trạm bơm cấp nước Tân An.
  - + Lắp đặt máy bơm tăng áp, van điện và biến tần trạm bơm truyền tải, hệ thống biến tần XN Đồi Ngô - Lục Nam.
  - + Tuyến ống cấp nước D400 cấp nước cho khu Đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang.
  - + Thay thế 6.020 đồng hồ các loại (đồng hồ đã hết niên hạn...)
  - + Đầu tư công nghệ mới vào quản lý mạng lưới cấp nước.
  - + Phát triển khách hàng: 7.253 đầu nối.

### Công tác giám sát đối với ban điều hành:

- HĐQT thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc giám sát hoạt động điều hành của Ban giám đốc và toàn bộ hệ thống Công ty.
- Trong năm 2018, HĐQT thường xuyên chỉ đạo việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và định hướng kinh doanh cho phù hợp với hoạt động thực tế của Công ty.
- Chủ động trong công tác quản lý, điều hành; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là thực hiện tốt công tác giảm thất thoát thất thu.
- Ổn định công việc và thu nhập của người lao động.

### Công tác quản lý đầu tư:

HDQT quyết định thực hiện đầu tư và chỉ đạo kịp thời triển khai các giải pháp đảm bảo sự thành công của các hạng mục đầu tư tập trung cho việc mở rộng hệ thống cấp nước đến các vùng lân cận TP Bắc Giang, các xã mới và sẽ sáp nhập về TP Bắc Giang, hướng tới việc tiếp tục mua thêm nước bán buôn của Công ty DNP, làm tiền đề cho sự phát triển bền vững trong các năm tới.

### Công tác quản lý tài chính:

Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được HDQT chú trọng đúng mức, công tác kiểm toán, kiểm soát chi tài chính trong các hoạt động kinh doanh luôn công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo Điều lệ, quy định của Pháp luật.

### Công tác quan hệ với cổ đông:

- HDQT đã thực hiện đầy đủ công tác cung cấp các tin liên quan trong quá trình điều hành theo quy định của pháp luật.
- Ban hành quy chế công bố thông tin và thực hiện nghiêm túc việc công bố thông tin trên các phương tiện truyền thông theo quy định.
- Tất cả những quyền lợi của cổ đông theo quy định của Điều lệ, pháp luật và Nghị quyết của Đại hội cổ đông đều được nghiêm túc thực hiện.

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hiện tại, trong cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty không có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

### TIÊU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong cơ cấu tổ chức Hội đồng quản trị của Công ty hiện nay không có các tiêu ban trực thuộc.

### CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HDQT

STT	Số Nghị Quyết	Thời gian	Nội dung
1	01/NQ-HDQT-NSBG	08/03/2018	Nghị quyết của Hội đồng quản trị về Thông qua việc tổ chức ĐHĐ cổ đông thường niên năm 2018
2	04/NQ-HDQT-NSBG	23/04/2018	Nghị quyết của HDQT về việc Thanh toán cổ tức năm 2017 cho cổ đông Công ty CP Nước sạch Bắc Giang
3	06/NQ-HDQT-NSBG	02/05/2018	Nghị quyết HDQT về việc điều chỉnh ngày thanh toán cổ tức năm 2017
4	09/NQ-HDQT-NSBG	28/05/2018	Nghị quyết của HDQT về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2018 kèm theo Biên bản họp
5	13/NQ-HDQT-NSBG	05/07/2018	Nghị quyết HDQT về việc mua bán buôn nước sạch với công ty DNP Bắc Giang và Ủy quyền người tham gia ký Hợp đồng mua bán nước sạch

# BAN KIỂM SOÁT

## THÀNH VIÊN & CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

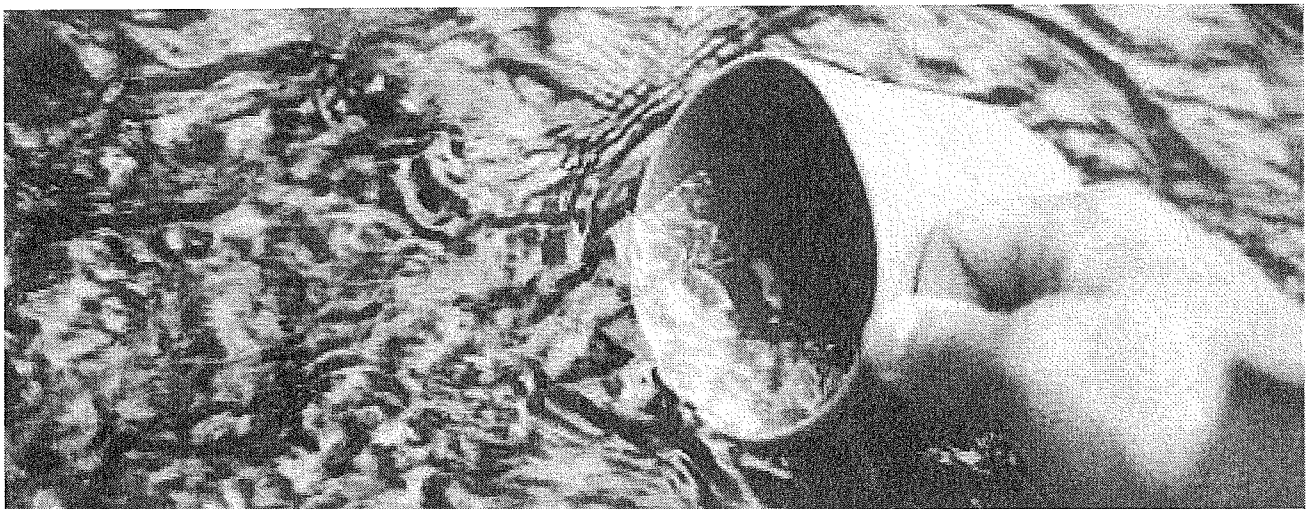
Họ & tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	19.100	0,11 %
Vũ Thị Thúy	Thành viên BKS	15.000	0,08 %
Hoàng Thị Thảo	Thành viên BKS	8.000	0,04 %

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT 2018

Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát cụ thể:

- Ban kiểm soát tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và đầu tư của Công ty;
- Kiểm tra, rà soát Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ trong năm 2018, đánh giá chi tiết những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt được, có phân tích nguyên nhân cụ thể.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
- Ban kiểm soát Công ty đã kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty, tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán, về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả SXKD và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2018, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập đúng quy trình, chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Qua thời gian hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.



## ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2018

Trên cơ sở thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh do Công ty cung cấp, các thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc kiểm tra, soát xét và đưa ra nhận xét, đánh giá như sau:

### Công tác quản lý và điều hành của HĐQT và Ban điều hành trong năm

Ban kiểm soát nhận định HĐQT và Ban Giám đốc, các cán bộ quản lý trong năm 2018 đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ điều hành của mình trong khuôn khổ pháp lý hiện hành, cụ thể:

- HĐQT đã tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ kịp thời. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động của HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty.
- Các Nghị quyết của HĐQT ban hành đúng với chức năng và quyền hạn của HĐQT có nội dung phù hợp với chủ trương và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Chủ động nguồn vốn cho hoạt động SXKD và đầu tư. Công tác thu hồi công nợ của khách hàng kịp thời, đầy đủ. Công tác thanh toán nợ cho các nhà cung cấp đúng hạn, khả năng thanh toán nhanh tốt, hệ số nợ hợp lý.
- Công ty quản lý và hạch toán kế toán tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước: Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Công tác quản lý thực hiện đầu tư theo đúng quy định.

### Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các mục tiêu kế hoạch chính năm 2018

#### Về quản lý tài sản

Công ty đã thực hiện quản lý và theo dõi tài sản cố định chi tiết theo từng loại tài sản, thực hiện trích khấu hao theo đúng quy định. Cuối năm thực hiện kiểm kê và lập biên bản kiểm kê chi tiết, đầy đủ.

- Giá trị nguyên giá TSCĐ đến ngày 31/12/2018: 250.328.574.371 đ
- Số khấu hao lũy kế đến ngày 31/12/2018: (167.295.670.663đ)
- Giá trị còn lại theo sổ sách đến ngày 31/12/2018: 83.032.903.708đ

#### Về quản lý công nợ:

- Công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2018: Công nợ được theo dõi chặt chẽ, cụ thể theo từng đối tượng, thời hạn thanh toán.

- Đối với nợ phải thu: **6.825.548.114đ**, trong đó bao gồm:

- + Phải thu tiền nước, tiền công trình, thu khác: 771.238.736đ
- + Tiền ứng trước cho nhà cung cấp, nhà thầu: 2.794.100.000đ
- + Tiền tạm ứng công tác, phải thu ngắn hạn khác: 3.260.209.378đ

- Đối với nợ phải trả: **29.055.818.832đ**, trong đó bao gồm:

- + Phải trả người bán ngắn hạn: 249.884.000đ
- + Người mua trả tiền trước ngắn hạn: 1.455.400.000đ
- + Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước: 1.841.622.899đ
- + Phải trả NLD (Thưởng tết và các khoản khác): 10.103.269.000đ
- + CP phải trả ngắn hạn: 12.115.406.372đ
- + Phải trả nhà cung cấp, phải trả khác: 291.846.326đ
- + Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2018: 2.998.390.235đ

### Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2017	TH 2018/ TH 2017 %
<b>1</b>	<b>Tổng DT và thu nhập khác</b>	<b>128.596.666.112</b>	<b>118.753.991.774</b>	<b>108,28</b>
	Doanh thu HĐTC	5.515.207.689	4.037.138.769	136,61
	Thu nhập khác	845.365.695	1.360.254.758	62,14
	DT thuần về bán hàng và dịch vụ	122.236.092.728	113.356.598.247	107,83
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>120.551.513.311</b>	<b>111.352.980.355</b>	<b>108,26</b>
	Giá vốn hàng bán	74.752.914.694	66.470.946.999	112,45
	Chi phí bán hàng	30.969.532.115	29.488.894.172	105,02
	Chi phí quản lý DN	13.752.202.115	15.385.278.670	89,38
	Chi phí hoạt động TC	1.076.864.387	0	
	Chi phí khác	0	7.860.514	
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>8.045.152.801</b>	<b>7.401.011.419</b>	<b>108,7</b>
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.815.686.673	1.570.904.387	115,58
	Lợi nhuận sau thuế	6.229.466.128	5.830.107.033	106,85
<b>4</b>	<b>Nộp NSNN</b>	<b>11.910.378.446</b>	<b>12.086.397.863</b>	<b>98,5</b>

\*Kết quả kinh doanh năm 2017 đã được điều chỉnh hồi tố theo Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán.

Quỹ tiền lương thực hiện: **37.566.220.980 đồng**

Trong năm 2018, Ban kiểm soát chưa phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động SXKD của Công ty.

### Công tác đầu tư

Tại Hội nghị giao ban mở rộng ngày 21 tháng 2 năm 2019 đã triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2019. Để đáp ứng mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh của năm. Công ty đã chủ động đầu tư tiếp tục đổi mới công nghệ;

- Phát triển 6.000 đầu nổi tại các khu vực trên địa bàn thành phố, giáp thành phố;
- Tổng giá trị đầu tư là 35,5 tỷ đồng:
  - Hệ thống Scada Nhà máy và mạng lưới: 7,0 tỷ.
  - Xây dựng bể chứa nước sạch mới tại KXL: 3,5 tỷ.
  - Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công nghiệp tại KXL: 10 tỷ
  - Mở rộng mạng lưới và phát triển khách hàng: 15 tỷ.

### Quan hệ cổ đông

Đánh giá chung: Trong năm 2018, với nỗ lực của HĐQT, Ban Giám đốc và sự đồng thuận của CBCNV, Công ty đã hoàn thành kế hoạch các chỉ tiêu đặt ra.



Về công tác kế toán và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán

### Công tác kế toán

Công ty quản lý và hạch toán công tác kế toán tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành của Nhà nước.

### Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2018 được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt.

## ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC

Giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã duy trì được mối quan hệ công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ. Trong năm 2018, HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý đã tạo điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cung cấp đầy đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát.

## KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2019 CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Nhiệm vụ chung

- Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.
- Trong năm 2019, Ban kiểm soát sẽ duy trì công tác kiểm soát định kỳ theo điều lệ của Công ty và quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, lấy ngăn ngừa mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật và Luật doanh nghiệp, góp phần làm cho đơn vị ngày càng phát triển và đạt hiệu quả SXKD cao, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, quyền lợi của người lao động.
- Quỹ lương năm 2019: **39,996,745,526đ**

### Nhiệm vụ cụ thể năm 2019

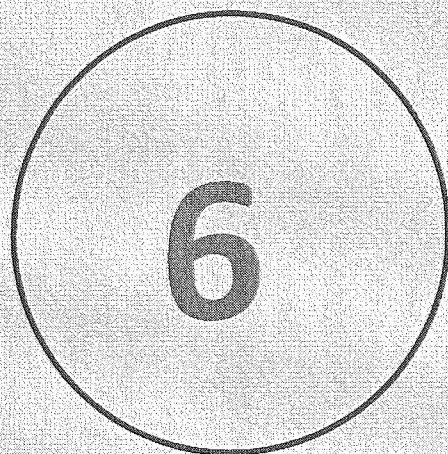
- Tổ chức họp định kỳ, phân công cụ thể và hợp lý công việc của các thành viên trong Ban kiểm soát, phụ trách kiểm soát hoạt động quản trị, điều hành và SXKD của Công ty.
- Kiểm soát tình hình SXKD hằng năm của Công ty đã được Đại hội cổ đông phê chuẩn, soát xét Báo cáo tài chính hằng năm.

## GIAO DỊCH, THÙ LAO

Mức chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS và thư ký được chi trả theo mức phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, tại Nghị quyết số 03/NQ-ĐHCĐTN-NSBG ngày 19 tháng 4 năm 2018, về việc thông qua phương án trả thù lao không chuyên trách của thành viên HĐQT, BKS, thư ký.

Mức chi trả cụ thể như sau:

- Thành viên HĐQT:	2,0 triệu đồng/ tháng
- Trưởng Ban kiểm soát:	1,2 triệu đồng/ tháng
- Thành viên Ban kiểm soát:	1,0 triệu đồng/ tháng
- Thư ký Công ty:	1,0 triệu đồng/ tháng



**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

---

# MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

## **Đối với khách hàng**

- Cung cấp các sản phẩm chất lượng

## **Đối với cổ đông**

- Thực hiện công bố thông tin công khai minh bạch
- Tổ chức thành công Đại hội cổ đông
- Đảm bảo cổ tức ổn định bền vững

## **Đối với nhà nước**

- Tuân thủ chính sách nhà nước trong hoạt động kinh doanh
- Đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thuế

## **Đối với người lao động**

- Xây dựng chính sách lương thưởng hiệu quả, hợp lý với mức thu nhập cạnh tranh
- Đảm bảo sức khỏe và điều kiện làm việc an toàn với người lao động
- Chăm lo đời sống tinh thần của người lao động

## **Đối với cộng đồng xã hội**

- Chia sẻ chung tay với các hoạt động cộng đồng
- Có trách nhiệm với những hoàn cảnh khó khăn trong xã hội

## **Đối với môi trường**

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về môi trường

# ĐÁNH GIÁ TRÁCH NHIỆM VÌ MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

## TRÁCH NHIỆM VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

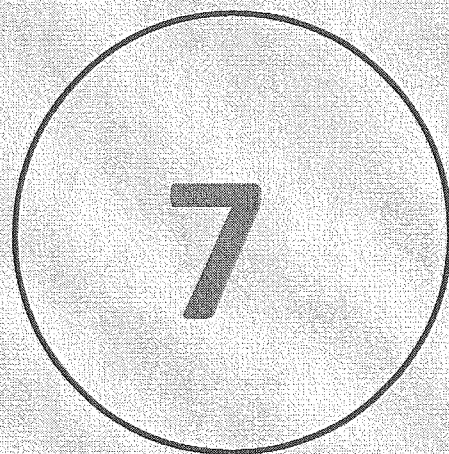
Ban Lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho CBCNV, tuân thủ quy định của pháp luật về người lao động. Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối với những lao động có kinh nghiệm và thâm niên lâu dài tại Công ty.

### Các chính sách về lao động của Công ty:

- Căn cứ vào chế độ về tiền lương do Nhà nước quy định.
- Việc trả lương, thưởng thực hiện theo quy chế trả lương, thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và độ phức tạp của công việc.
- Thực hiện mua BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước. Về tiền thưởng: theo quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.
- Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban Giám đốc theo đúng quy định hiện hành.
- Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để kích thích lực lượng lao động, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về mặt tài chính của cán bộ công nhân viên.
- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động và các chính sách của Công ty.





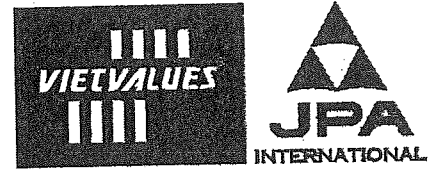


## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

---



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**<sup>®</sup>)  
Công ty thành viên của *JPA International*  
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM  
Chi nhánh Hà Nội: 19/61 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, Tp. Hà Nội  
Tel : +84 (24) 3636 9388 Fax : +84 (24) 3636 9389  
Email : [contact@vietvalues.com](mailto:contact@vietvalues.com) Website : [www.vietvalues.com](http://www.vietvalues.com)



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

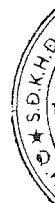
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11 - 29
7. Phụ lục	30 - 31

---



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán của Công ty.

### 1. Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bắc Giang thành công ty Cổ phần theo quyết định số 1763/QĐ-UBND ngày 24 tháng 09 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Giang cho phép công ty chuyển đổi sang công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 07 năm 2015. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ : 181.494.460.000 VNĐ (Một trăm tám mươi một tỷ bốn trăm chín mươi tư triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn).

### 2. Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 386, Đường Xương Giang, Phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại : 02043.855757

Fax : 02403.554717

Mã số thuế : 2400126106

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- SXKD nước sạch, xây dựng.

### 4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

#### 4.1 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hướng Xuân Công	Chủ tịch
Ông Trần Đăng Điều	Thành viên
Ông Lê Ngọc Duyên	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên

#### 4.2 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban
Bà Vũ Thị Thúy	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên

#### 4.3 Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Trần Đăng Điều	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Duyên	Phó Giám đốc

#### 5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hướng Xuân Công – Chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### 6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

#### 7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**) bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

#### 9. Xác nhận của Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm 2018. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.


**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

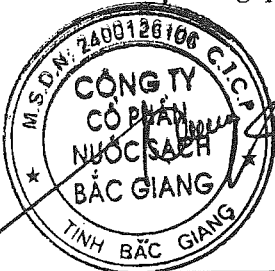
*Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018*

**10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành theo thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TM. Hội đồng quản trị 

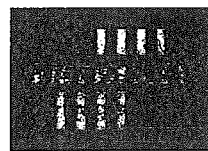


**HƯƠNG XUÂN CÔNG**

**Chủ tịch HĐQT**

*Bắc Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2019*





Số: 2013/19/HN/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CÔ ĐÔNG, HĐQT VÀ BAN GIÁM ĐỐC,  
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang, được lập ngày tháng năm 2019, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.10 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, trong đó mô tả như sau: Dự án nhà máy nước số 2 đơn vị đang là chủ đầu tư đã dừng triển khai theo thông báo số 120-TB/TU của tỉnh ủy Bắc Giang ngày 25 tháng 11 năm 2016 để đầu tư vào dự án Nhà máy nước sạch DNP – Bắc Giang của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hiện tại toàn bộ chi phí đầu tư thực hiện Dự án xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh với số tiền là 12.002.822.443 đồng. Toàn bộ chi phí đầu tư thực hiện Dự án xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh này sẽ được tập hợp và giải quyết khi Dự án được quyết toán. Theo thông báo kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang số 120-TB/TU ngày 25/11/2016: Nhất trí chủ trương đầu tư dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang của Công ty CP Nhựa Đồng Nai, dừng triển khai và không vay vốn ADB thực hiện dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang do Công ty CP Nước sạch Bắc Giang làm chủ đầu tư, theo đề xuất của chủ tịch UBND tỉnh tại Tờ trình số 3686/TTr-UBND ngày 18/11/2016. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính làm trung gian, phối hợp chặt chẽ với công ty CP Nước sạch Bắc Giang và Công ty CP Nhựa Đồng Nai trong quá trình Công ty CP Nhựa Đồng Nai tham gia mua cổ phần làm cổ đông chiến lược của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang cũng như giải quyết các chi phí đã phát sinh cho dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang vay vốn ADB theo quy định.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2019.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Trần Bá Quang – Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1086-2018-071-1

Trần Văn Hiệp – Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 2141-2018-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>116.866.358.061</b>	<b>120.015.705.710</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>23.779.776.399</b>	<b>75.503.745.670</b>
111	1. Tiền	V.1	3.629.409.218	4.210.270.954
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	20.150.367.181	71.293.474.716
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>74.636.316.951</b>	<b>33.122.588.143</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.3	74.636.316.951	33.122.588.143
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.825.548.114</b>	<b>5.706.722.875</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	771.238.736	748.595.834
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	2.794.100.000	3.690.536.430
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	3.260.209.378	1.267.590.611
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>10.505.792.882</b>	<b>5.059.259.463</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.7	10.505.792.882	5.059.259.463
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.118.923.715</b>	<b>623.389.559</b>
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.118.923.715	623.389.559
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>98.622.690.501</b>	<b>99.914.211.208</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>83.032.903.708</b>	<b>86.868.357.436</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	83.032.903.708	86.868.357.436
222	- Nguyên giá		249.748.796.394	228.881.576.602
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(166.715.892.686)	(142.013.219.166)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	-	-
228	- Nguyên giá		579.777.977	579.777.977
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(579.777.977)	(579.777.977)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>15.072.986.943</b>	<b>12.610.121.385</b>
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		1.468.432.279	563.715.122
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	13.604.554.664	12.046.406.263
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>516.799.850</b>	<b>435.732.387</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.11	516.799.850	435.732.387
268	2. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>215.489.048.562</b>	<b>219.929.916.918</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		29.055.818.832	34.217.367.054
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		29.055.818.832	23.441.442.894
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.12	249.884.000	428.424.178
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.13	1.455.400.000	30.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.14	1.841.622.899	1.705.688.751
314	4. Phải trả người lao động	V.15	10.103.269.000	8.410.505.000
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.16	12.115.406.372	10.088.987.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		291.846.326	285.910.770
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.17	2.998.390.235	2.491.927.195
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		-	10.775.924.160
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-	10.775.924.160
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		186.433.229.730	185.712.549.864
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.18	186.433.229.730	185.712.549.864
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		181.494.460.205	181.494.460.205
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		181.494.460.205	181.494.460.205
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		881.673.248	543.581.892
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		4.057.096.277	3.674.507.767
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		4.057.096.277	3.674.507.767
422	5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
431	1. Nguồn kinh phí		-	-
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		215.489.048.562	219.929.916.918

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



HƯƠNG XUÂN CÔNG

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

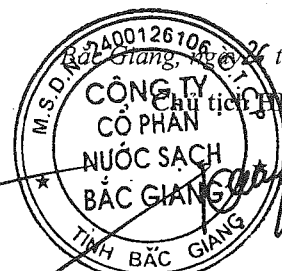
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	122.353.977.512	113.414.797.457
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	117.884.784	58.199.210
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		122.236.092.728	113.356.598.247
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	74.752.914.694	66.470.946.999
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.483.178.034	46.885.651.248
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	5.515.207.689	4.037.138.769
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	1.076.864.387	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.033.280.567	-
25	8. Chi phí bán hàng	VI.6	30.969.532.115	29.488.894.172
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	13.752.202.115	15.385.278.670
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.199.787.106	6.048.617.175
31	11. Thu nhập khác	VI.8	845.365.695	1.360.254.758
32	12. Chi phí khác		-	7.860.514
40	13. Lợi nhuận khác		845.365.695	1.352.394.244
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		8.045.152.801	7.401.011.419
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		1.815.686.673	1.570.904.387
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.229.466.128	5.830.107.032
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	213	195
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	213	195

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



HƯƠNG XUÂN CÔNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

ĐVT: VND

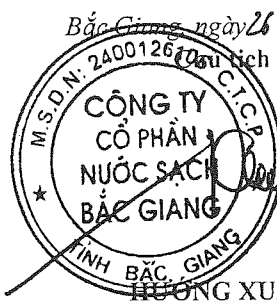
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		137.458.621.746	126.157.887.620
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(73.728.883.776)	(61.329.667.370)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(33.637.253.180)	(36.226.087.900)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(494.293.174)	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.622.988.901)	(1.099.535.396)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.569.134.215	3.711.184.979
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(25.684.625.677)	(18.475.627.056)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<b>6.859.711.253</b>	<b>12.738.154.877</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(6.989.486.740)	(16.203.132.955)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	599.678.181
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(44.000.000.000)	(54.797.319.064)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		4.262.695.447	42.146.644.031
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.575.677.985	4.037.138.769
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<b>(44.151.113.308)</b>	<b>(24.216.991.038)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(11.314.911.553)	-
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(3.117.655.663)	(3.230.623.318)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<b>(14.432.567.216)</b>	<b>(3.230.623.318)</b>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>		<b>(51.723.969.271)</b>	<b>(14.709.459.479)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		75.503.745.670	90.213.205.149
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</i>		<b>23.779.776.399</b>	<b>75.503.745.670</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO



Bắc Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Trưởng Hội đồng Quản trị HĐQT

HOÀNG XUÂN CÔNG

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.  
Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất kinh doanh nước sạch và xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh nước sạch, nước tinh khiết.
- Xây dựng công trình cấp thoát nước, công trình điện hạ thế từ 35KV trở xuống.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các thông tin và số liệu kế toán được trình bày mang tính so sánh giữa kỳ kế toán.

#### 6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 263 nhân viên đang làm việc. (Số đầu năm là 265 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Doanh nghiệp bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)

---

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### 3. Các khoản đầu tư tài chính

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)

---

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

So với phương pháp thực tế đích danh kỳ trước sử dụng thì kỳ này kết quả không ảnh hưởng nhiều so với sử dụng phương pháp Bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)**

---

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	03 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định khác	03 - 25 năm

#### 8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

#### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm/theo thời gian giao đất (10 năm), quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### 9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy, móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:



## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)

---

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 11. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

#### 12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội cổ đông phê duyệt.

#### 13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu bán nước sạch*

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### *Doanh thu xây dựng và doanh thu lắp đặt đồng hồ nước*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)

---

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **14. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm là khoản giảm trừ hàng bán.

#### **15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của thành phẩm và các chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

#### **16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

#### **17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### **18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước**

- Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

#### **19. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)

#### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

##### 1. Tiền

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	447.386.486	408.787.113
1.2	Tiền gửi ngân hàng	3.182.022.732	3.801.483.841
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.629.409.218</b>	<b>4.210.270.954</b>

##### 1.2 Tiền gửi ngân hàng

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.2	Tiền Việt Nam	3.182.022.732	3.801.483.841
1.2.1	Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Bắc Giang	106.580.875	131.418.087
1.2.2	Ngân hàng NN & Phát triển nông thôn tỉnh Bắc Giang	1.948.700.874	2.657.220.168
1.2.3	Ngân hàng TMCP Techcombank Bắc Giang	611.050.967	324.159.032
1.2.4	Ngân hàng TMCP Vietinbank Bắc Giang	375.460.342	456.153.848
1.2.5	Ngân hàng TMCP Vietcombank Bắc Giang	135.845.660	226.042.708
1.2.6	Ngân hàng Phát triển Việt Nam-CN Bắc Giang	4.384.014	6.489.998
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.182.022.732</b>	<b>3.801.483.841</b>

##### 2. Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi. Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
2.1	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank	1.537.446.600	33.159.506.900
2.2	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Techcombank	-	11.015.772.872
2.3	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietinbank	11.536.622.269	15.447.302.693
2.4	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng TMCP Vietcombank	7.076.298.312	11.670.892.251
<b>Tổng cộng</b>		<b>20.150.367.181</b>	<b>71.293.474.716</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)****3. Đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn**

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng, lãi suất quy định theo từng hợp đồng tiền gửi.  
Chi tiết như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
3.1	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Techcombank	33.489.783.561	21.122.588.143
3.2	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Agribank	25.000.000.000	-
3.3	Tiền gửi có kỳ hạn ngân hàng Vietcombank	16.146.533.390	12.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>74.636.316.951</b>	<b>33.122.588.143</b>

**4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu khách hàng khác</b>	<b>771.238.736</b>	<b>748.595.834</b>
Trường THPT Lục Ngạn 2	202.247.000	202.247.000
Các đối tượng khác	568.991.736	546.348.834
<b>Cộng</b>	<b>771.238.736</b>	<b>748.595.834</b>

**5. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho các đối tượng khác</b>	<b>2.794.100.000</b>	<b>3.690.536.430</b>
Công ty CP Đầu Tư-Xây dựng-XNK TH Minh Ngọc (*)	2.600.000.000	2.300.000.000
Các đối tượng khác	194.100.000	1.390.536.430
<b>Cộng</b>	<b>2.794.100.000</b>	<b>3.690.536.430</b>

(\*) Là khoản tạm ứng trước cho nhà thầu tư vấn để thực hiện dự án nhà máy nước số 2.

**6. Phải thu ngắn hạn khác**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
6.1	Tạm ứng	1.202.300.000	561.300.000
6.2	Phải thu ngắn hạn khác	2.057.909.378	706.290.611
<b>Tổng cộng</b>		<b>3.260.209.378</b>	<b>1.267.590.611</b>

**6.1 Tạm ứng**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Tạm ứng cho các bên liên quan</b>	-	-
<b>Tạm ứng cho các đối tượng khác</b>	<b>1.202.300.000</b>	<b>561.300.000</b>
An Đình Thành	497.300.000	337.300.000
Nguyễn Văn Huy	231.000.000	140.000.000
Hoàng Văn Phong	270.000.000	-
Đối tượng khác	204.000.000	84.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.202.300.000</b>	<b>561.300.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)****6.2 Phải thu ngắn hạn khác**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu đối tượng khác</b>	<b>2.057.909.378</b>	<b>706.290.611</b>
Phải thu về thuế TNCN	72.755.778	84.242.460
Tính trước lãi tiền gửi có kỳ hạn đến ngày 31/12/2018	1.763.105.449	600.000.000
Đối tượng khác	222.048.151	22.048.151
<b>Cộng</b>	<b>2.057.909.378</b>	<b>706.290.611</b>

**7. Hàng tồn kho**

Mã số	Chỉ tiêu	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
7.1	Nguyên liệu, vật liệu	10.144.458.012	-	5.059.259.463	-
7.2	Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
7.3	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	361.334.870	-	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>		<b>10.505.792.882</b>	<b>-</b>	<b>5.059.259.463</b>	<b>-</b>

**7.1 Nguyên liệu, vật liệu**

Là giá trị tồn kho của nguyên vật liệu xây lắp như: Gang, thép... và nguyên vật liệu để sản xuất nước như: Clo, phèn, hóa chất...

**8. Tài sản cố định hữu hình**

Chi tiết tại phụ lục số 01.

**9. Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tính hóa đơn nước	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>519.777.977</b>	<b>60.000.000</b>	<b>579.777.977</b>
<b>2. Tăng trong năm</b>	-	-	-
<b>3. Giảm trong năm</b>	-	-	-
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>519.777.977</b>	<b>60.000.000</b>	<b>579.777.977</b>
<b>II. Giá trị hao mòn</b>			-
<b>1. Giá trị hao mòn đầu năm</b>	<b>519.777.977</b>	<b>60.000.000</b>	<b>579.777.977</b>
<b>2. Tăng trong năm</b>	-	-	-
- <i>Khấu hao trong năm</i>	-	-	-
<b>3. Giảm trong năm</b>	-	-	-
<b>4. Giá trị hao mòn cuối năm</b>	<b>519.777.977</b>	<b>60.000.000</b>	<b>579.777.977</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>			-
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	-	-	-
<b>2. Tại ngày cuối năm</b>	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)****10. Chi phí xây dựng cơ bản**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án nhà máy nước số 2	12.002.822.443	12.046.406.263
Công trình cấp nước công ty Khai Thừa Lục Nam	467.649.374	-
Công trình tuyến ống D200 xã Hương Dán, Yên Dũng, Bắc Giang	607.237.559	-
Công trình tuyến ống D200 dọc đường tỉnh lộ 299, Tân Dân, Yên Dũng, Bắc Giang	526.845.288	-
<b>Cộng</b>	<b>13.604.554.664</b>	<b>12.046.406.263</b>

Hiện dự án nhà máy nước số 2 đơn vị đang là chủ đầu tư đã dùng triển khai theo thông báo số 120-TB/TU của tỉnh ủy Bắc Giang ngày 25 tháng 11 năm 2016 để đầu tư vào dự án Nhà máy nước sạch DNP – Bắc Giang của công ty Cổ phần Nhựa Đồng Nai. Hiện tại toàn bộ chi phí đầu tư thực hiện Dự án xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh với số tiền là 12.002.822.443 đồng. Toàn bộ Chi phí đầu tư thực hiện Dự án xây dựng nhà máy nước số 2 Thành Phố Bắc Giang đã phát sinh này sẽ được tập hợp và giải quyết khi Dự án được quyết toán.

Theo thông báo kết luận của Ủy ban Thường vụ tỉnh ủy về chủ trương đầu tư Dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang số 120-TB/TU ngày 25/11/2016: Nhất trí chủ trương đầu tư dự án Nhà máy nước sạch DNP-Bắc Giang của Công ty CP Nhựa Đồng Nai, dùng triển khai và không vay vốn ADB thực hiện dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang do Công ty CP Nước sạch Bắc Giang làm chủ đầu tư, theo đề xuất của chủ tịch UBND tỉnh tại Tờ trình số 3686/TTr-UBND ngày 18/11/2016. Chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính làm trung gian, phối hợp chặt chẽ với công ty CP Nước sạch Bắc Giang và Công ty CP Nhựa Đồng Nai trong quá trình Công ty CP Nhựa Đồng Nai tham gia mua cổ phần làm cổ đông chiến lược của Công ty CP Nước sạch Bắc Giang cũng như giải quyết các chi phí đã phát sinh cho dự án Nhà máy nước số 2 thành phố Bắc Giang vay vốn ADB theo quy định.

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	516.799.850	435.732.387
<b>Cộng</b>	<b>516.799.850</b>	<b>435.732.387</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả người bán khác</b>	<b>249.884.000</b>	<b>428.424.178</b>
CT TNHH MTV XD&CN Hà Bắc	194.550.000	-
Công ty TNHH XD Bắc Nghệ	24.127.000	-
Đối tượng khác	31.207.000	428.424.178
<b>Cộng</b>	<b>249.884.000</b>	<b>428.424.178</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho bên liên quan</b>	-	-
<b>Trả trước cho đối tượng khác</b>	<b>1.455.400.000</b>	<b>30.000.000</b>
Công ty CP đầu tư 379	247.400.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)

Công ty CP Dầu khí Bắc Giang	30.000.000	30.000.000
Đối tượng khác	1.178.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.455.400.000</b>	<b>30.000.000</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết gồm:	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số phải nộp	Số phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số phải thu
Thuế GTGT đầu ra	82.051.000	-	-	-	-	-
Thuế TNDN	939.813.788	-	1.815.686.673	1.622.988.901	1.132.511.560	-
Thuế TNCN	81.401.350	-	119.877.920	128.523.492	72.755.778	-
Thuế tài nguyên	25.838.438	-	312.560.393	316.478.232	21.920.599	-
Phí nước thải SH	576.584.175	-	7.179.018.250	7.141.167.463	614.434.962	-
Phí môi trường rừng	-	-	632.775.728	632.775.728	-	-
Thuế khác	-	-	5.336.100	5.336.100	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.705.688.751</b>	<b>-</b>	<b>10.065.255.064</b>	<b>9.847.269.916</b>	<b>1.841.622.899</b>	<b>-</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động xây lắp là 10%, thuế GTGT của hoạt động cung cấp nước sạch là 5%. Thuế GTGT cung cấp dịch vụ cho khu chế xuất là 0%.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động kinh doanh phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Bảng ước tính thuế TNDN trong kỳ được dự tính như bảng sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.045.152.801	7.401.011.419
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.076.864.387	453.510.514
- Các khoản điều chỉnh giảm	43.583.820	-
Thu nhập chịu thuế	9.078.433.368	7.854.521.933
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	9.078.433.368	7.854.521.933
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>1.815.686.673</b>	<b>1.570.904.387</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>1.815.686.673</b>	<b>1.570.904.387</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>1.815.686.673</b>	<b>1.570.904.387</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)****Thuế tài nguyên**Thuế tài nguyên được tính trên khối lượng nước thô đơn vị khai thác trong năm. Đơn giá tính thuế tài nguyên là 2.250 đồng/m<sup>3</sup>.**Thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Phải trả người lao động**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Lương phải trả	10.103.269.000	8.410.505.000
<b>Cộng</b>	<b>10.103.269.000</b>	<b>8.410.505.000</b>

**16. Chi phí phải trả**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí khấu hao TSCĐ (*)	11.832.622.500	7.888.415.000
Trích bổ sung tiền ăn ca năm 2017	-	1.637.581.000
Chi phí phải trả khác	282.783.872	562.991.000
<b>Cộng</b>	<b>12.115.406.372</b>	<b>10.088.987.000</b>

(\*) Theo quyết định số 262/QĐ-UBND của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 11 tháng 02 năm 2015 về việc phê duyệt quyết toán công trình hoàn thành hệ thống cấp nước Đồi Ngô, huyện Lục Nam với giá trị quyết toán là 39.442.075.000 đồng. Theo thông báo số 230/UBND-XD của UBND tỉnh Bắc Giang ngày 25 tháng 01 năm 2014, UBND tỉnh đồng ý cho UBND huyện Lục Nam bàn giao cho công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước Bắc Giang nay là công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang quản lý, vận hành dự án trên. Tuy nhiên, hiện nay đơn vị vẫn chưa nhận được biên bản bàn giao của UBND huyện Lục Nam cho đơn vị về dự án trên vì vậy hiện tại đơn vị đang tạm trích khấu hao phải trả (10%) cho dự án này để có nguồn vốn phải trả khi nhận được bàn giao từ đơn vị chủ quản trong năm theo giá trị quyết toán của UBND tỉnh Bắc Giang.

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.491.927.195	1.431.810.183
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.366.639.495	2.283.762.012
Tăng khác	127.406.000	4.500.000
Chi quỹ	(1.987.582.455)	(1.228.145.000)
Giảm khác	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.998.390.235</b>	<b>2.491.927.195</b>

**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiết tại phụ lục số 02.

**18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

(\*) Nguồn vốn chủ sở hữu

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)

Chủ sở hữu	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	85,86%	155.831.460.205	155.831.460.205
Hướng Xuân Công	0,29%	521.000.000	521.000.000
Trần Đăng Điều	0,21%	389.000.000	389.000.000
Phạm Hùng	0,21%	386.000.000	386.000.000
Đối tượng khác	13,43%	24.367.000.000	24.367.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>181.494.460.205</b>	<b>181.494.460.205</b>

**18c. Cổ phiếu**

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.400.800	24.400.800
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu thường	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu thường	18.149.446	18.149.446
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Doanh thu từ bán nước sạch thành phố Bắc Giang	109.486.314.451	102.936.732.108
Doanh thu nước sạch xí nghiệp cấp nước Lục Nam	2.533.117.596	2.243.183.526
Doanh thu xây lắp	10.334.545.465	8.234.881.823
<b>Cộng</b>	<b>122.353.977.512</b>	<b>113.414.797.457</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh nghiệp vụ bán hàng với các bên liên quan.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Giảm giá hàng bán	117.884.784	58.199.210
<b>Cộng</b>	<b>117.884.784</b>	<b>58.199.210</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán nước sạch thành phố Bắc Giang	52.022.616.447	49.990.856.889
Giá vốn bán nước sạch xí nghiệp cấp nước Lục Nam	5.056.336.408	5.138.913.187

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)**

Giá vốn xây lắp	17.673.961.839	11.329.830.923
<b>Cộng</b>	<b>74.752.914.694</b>	<b>66.459.600.999</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi tiết kiệm	5.515.207.689	4.037.138.769
<b>Cộng</b>	<b>5.515.207.689</b>	<b>4.037.138.769</b>
<b>5. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Phí cam kết, lãi vay, phí cho vay lại	1.033.280.567	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	43.583.820	-
<b>Cộng</b>	<b>1.076.864.387</b>	<b>-</b>
<b>6. Chi phí bán hàng</b>		
Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	18.390.634.132	17.029.294.041
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	290.934.001	76.872.568
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.475.215.286	8.983.389.139
Chi phí dịch vụ mua ngoài	407.529.045	950.922.242
Chi phí bằng tiền khác	1.405.219.651	2.448.416.182
<b>Cộng</b>	<b>30.969.532.115</b>	<b>29.488.894.172</b>
<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	9.225.618.814	8.303.298.875
Chi phí đồ dùng văn phòng	147.453.531	109.924.670
Chi phí khấu hao TSCĐ	775.623.908	894.437.723
Thuế, phí, lệ phí	836.425.015	871.904.726
Chi phí dịch vụ mua ngoài	851.246.422	3.495.373.259
Chi phí bằng tiền khác	1.915.834.425	1.710.339.417
<b>Cộng</b>	<b>13.752.202.115</b>	<b>15.385.278.670</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	599.678.181
Thu 10% (phí TN được giữ lại)	797.668.695	724.874.653
Thu nhập khác	47.697.000	35.701.924
<b>Cộng</b>	<b>845.365.695</b>	<b>1.360.254.758</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.229.466.128	5.830.107.032



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)**

- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.366.639.495)	(2.283.762.012)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	3.862.826.633	3.546.345.020
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	18.149.446	18.149.446
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)</b>	<b>213</b>	<b>195</b>

Công ty chưa đại hội cổ đông, Lãi cơ bản trên cổ phiếu tạm tính theo tỷ lệ năm 2017. Lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể sẽ được điều chỉnh lại khi có quyết định của đại hội cổ đông về phân phối lợi nhuận thực hiện theo quy định trong điều lệ hoạt động của công ty.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	18.149.446	18.149.446
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thặng dư vốn cổ phần	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ quỹ đầu tư phát triển	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>18.149.446</b>	<b>18.149.446</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)****10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.862.826.633	3.546.345.020
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
- Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>3.862.826.633</b>	<b>3.546.345.020</b>
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.862.826.633	3.546.345.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	18.149.446	18.149.446
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>213</b>	<b>195</b>

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	26.416.523.288	22.358.865.075
Chi phí nhân viên	37.566.220.980	37.086.767.100
Chi phí khấu hao TSCĐ	24.848.473.520	22.538.690.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.908.538.896	13.333.926.473
Chi phí bằng tiền khác	16.811.756.627	16.297.021.244
<b>Cộng</b>	<b>120.551.513.311</b>	<b>111.615.270.355</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ ( ĐVT: VND)****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong kỳ công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền.

**2. Các khoản tiền và tương đương tiền mà công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Tại thời điểm cuối kỳ công ty không có các khoản tiền và tương đương tiền đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)****1. Tài sản tiềm tàng**

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**2. Nợ tiềm tàng**

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)****3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm có giao dịch về tiền lương, thưởng, phụ cấp và cổ tức trong năm cho các thành viên quản lý chủ chốt được chi tiết tại bảng sau:

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
Lương	1.151.222.000	1.725.797.000
Thưởng, phụ cấp	363.550.000	41.961.000
Cổ tức	102.000.000	22.859.000
<b>Cộng</b>	<b>1.616.772.000</b>	<b>1.790.617.000</b>

**4. Báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Trong năm, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán nước sạch và lắp đồng hồ nước.

**Khu vực địa lý.**

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn tỉnh Bắc Giang.

**5. Số liệu so sánh**

Số liệu cuối năm trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được điều chỉnh hồi tố theo kết luận thanh tra số 509/KL – TTr của đoàn thanh tra tỉnh Bắc Giang ngày 26/12/2018 và trình bày lại thành số liệu đầu năm trên báo cáo cho năm kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

**Bảng cân đối kế toán**

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư đầu năm trên báo cáo năm nay	Số dư cuối năm theo Báo cáo kiểm toán năm trước	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] – [2]
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>99.914.211.208</b>	<b>98.890.011.208</b>	<b>1.024.200.000</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>86.868.357.436</b>	<b>85.844.157.436</b>	<b>1.024.200.000</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	86.868.357.436	85.844.157.436	1.024.200.000
- Nguyên giá TSCĐ	222	228.881.576.602	227.711.576.602	1.170.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(142.013.219.166)	(141.867.419.166)	(145.800.000)
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>219.929.916.918</b>	<b>218.905.716.918</b>	<b>1.024.200.000</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>34.217.367.054</b>	<b>33.727.502.054</b>	<b>489.865.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính ( tiếp theo)**

<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>23.441.442.894</b>	<b>22.951.577.894</b>	<b>489.865.000</b>
3.Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.705.688.751	1.215.823.751	489.865.000
<b>D. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>185.712.549.864</b>	<b>185.178.214.864</b>	<b>534.335.000</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	185.712.549.864	185.178.214.864	534.335.000
4.Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	3.674.507.767	3.140.172.767	534.335.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>219.929.916.918</b>	<b>218.905.716.918</b>	<b>1.024.200.000</b>

**Bảng kết quả kinh doanh**

Chỉ tiêu	Mã số	Số dư đầu năm trên báo cáo năm nay	Số dư cuối năm theo Báo cáo kiểm toán năm trước	Chênh lệch
		[1]	[2]	[3] = [1] - [2]
Giá vốn hàng bán	11	66.470.946.999	66.733.236.999	(262.290.000)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	46.885.651.248	46.623.361.248	262.290.000
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	6.048.617.175	5.786.327.175	262.290.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	7.401.011.419	7.138.721.419	262.290.000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.570.904.387	1.429.316.388	141.587.999
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	5.830.107.032	5.709.405.031	120.702.001
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	195	173	22
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	195	173	22

**6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc cộng bổ trong Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Địa chỉ: Số 386, Đường Xương Giang, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bắc Giang, ngày 26 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

  
A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Nguyễn Thị Phương Thảo', written over a horizontal line.  
A handwritten signature in black ink, appearing to be 'Nguyễn Thị Phương Thảo', written over a horizontal line.

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO HƯỚNG XUÂN CÔNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**  
 Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Phụ lục số 01: Tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
1. Số dư đầu năm	63.651.171.647	48.852.818.726	116.337.348.229	40.238.000	228.881.576.602
2. Tăng trong kỳ	1.902.415.454	4.441.298.546	14.523.505.792	-	20.867.219.792
- Tăng do mua mới	1.902.415.454	4.441.298.546	14.523.505.792	-	20.867.219.792
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	65.553.587.101	53.294.117.272	130.860.854.021	40.238.000	249.748.796.394
- Trong đó TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	3.018.978.325	4.378.472.784	2.478.227.522	40.238.000	9.915.916.631
<b>II. Giá trị hao mòn</b>					
1. Giá trị hao mòn đầu năm	31.059.497.079	29.765.864.225	81.147.619.862	40.238.000	142.013.219.166
2. Tăng trong kỳ	6.396.778.136	6.387.665.981	11.918.229.403	-	24.702.673.520
Khấu hao trong kỳ	6.396.778.136	6.387.665.981	11.918.229.403	-	24.702.673.520
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Giá trị hao mòn cuối kỳ	37.456.275.215	36.153.530.206	93.065.849.265	40.238.000	166.715.892.686
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
1. Tại ngày đầu năm	32.591.674.568	19.086.954.501	35.189.728.367	-	86.868.357.436
2. Tại ngày cuối kỳ	28.097.311.886	17.140.587.066	37.795.004.756	-	83.032.903.708

Trong đó: Đơn vị không đem tài sản cố định nào mang đi cầm cố, thế chấp.

Người lập biểu

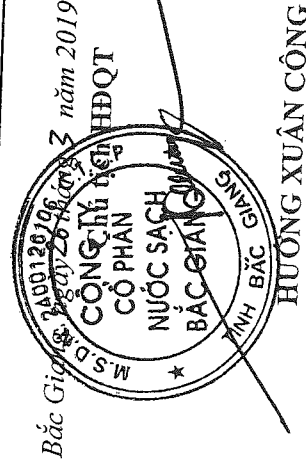


**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**

Kế toán trưởng



**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO**



**HUƠNG XUÂN CÔNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC GIANG**

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phụ lục số 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	181.494.460.205	67.899.993	-	-	3.076.582.062	184.638.942.260
Tăng trong năm trước	-	475.681.899	-	-	5.830.107.032	6.305.788.931
+ Lãi trong năm nay	-	-	-	-	5.830.107.032	5.830.107.032
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	475.681.899	-	-	-	475.681.899
+ Tăng do đánh giá lại	-	-	-	-	-	-
+ Tăng do chuyển quỹ	-	-	-	-	-	-
+ Tăng khác	-	-	-	-	-	-
+ Tăng do mua cổ phần	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-	-
+ Trả cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	-
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(5.232.181.327)	(5.232.181.327)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(2.472.737.416)	(2.472.737.416)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(475.681.899)	(475.681.899)
Số dư cuối năm trước	181.494.460.205	543.581.892	-	-	(2.283.762.012)	(2.283.762.012)
Số dư đầu năm nay	181.494.460.205	543.581.892	-	-	3.674.507.767	185.712.549.864
Tăng trong kỳ này	-	543.581.892	-	-	3.674.507.767	185.712.549.864
+ Lãi trong kỳ này	-	338.091.356	-	-	6.229.466.128	6.567.557.484
+ Tăng từ phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	6.229.466.128	6.229.466.128
Giảm trong kỳ này	-	338.091.356	-	-	-	338.091.356
+ Trả cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(5.846.877.618)	(5.846.877.618)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	(3.140.172.767)	(3.140.172.767)
+ Giảm khác	-	-	-	-	(338.091.356)	(338.091.356)
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.974.000)	(1.974.000)
Số dư cuối kỳ này	181.494.460.205	881.673.248	-	-	(2.366.639.495)	(2.366.639.495)

Người lập biểu

*[Signature]*

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

Kế toán trưởng

*[Signature]*

NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO

M.S.D.N. Bắc Giang, ngày 31 tháng 3 năm 2019

